

CÔNG TY TNHH MTV QUÝ HOÀI

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

**KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN
LẤP VĨNH HÀ 3 THUỘC XÃ VĨNH HÀ HUYỆN
VĨNH LINH TỈNH QUẢNG TRỊ**

QUẢNG TRỊ, NĂM 2024

CÔNG TY TNHH MTV QUÝ HOÀI

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

**KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN
LẤP VĨNH HÀ 3 THUỘC XÃ VĨNH HÀ HUYỆN
VĨNH LINH TỈNH QUẢNG TRỊ**

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH MTV QUÝ HOÀI



Cao Văn Quý

QUẢNG TRỊ, NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	5
1. Tên chủ dự án	5
2. Tên dự án	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án.....	6
3.1. Công suất của dự án.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án.....	7
3.3. Sản phẩm của dự án	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án.....	9
4.1. Nguyên, nhiên liệu.....	9
4.2. Nguồn cung cấp điện, nước.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	10
5.1. Các hạng mục công trình của dự án	10
5.2. Tiến độ dự án.....	12
5.3. Tổng mức đầu tư.....	12
5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	12
Như vậy, số lượng cán bộ và công nhân của dự án là 07 người.....	13
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với Dự án	13
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	14
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường	14
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải	16
1.3. Xử lý nước thải.....	16
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi	16
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường tại khu vực khai thác.....	17
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	17
3.2. Chất thải rắn sản xuất.....	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	18
5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	19
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
6.1. Đối với sự cố cháy nổ	19

6.2. Đối với sự cố tai nạn lao động.....	20
6.3. Đối với sự cố tai nạn giao thông	20
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	21
7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường đất.....	21
7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái	21
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường	21
8.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.....	21
8.2. Kế hoạch thực hiện	22
8.3. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	22
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	24
9. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	24
9.1. Nguồn phát sinh nước thải	24
9.2. Lưu lượng xả thải tối đa.....	24
9.3. Dòng nước thải	24
9.4. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm.....	24
9.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	25
10. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	25
10.1. Nguồn phát sinh khí thải	25
10.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa.....	25
10.3. Dòng khí thải	25
10.4. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm.....	25
10.5. Vị trí, phương thức xả khí thải	26
11. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	26
11.1. Nguồn phát sinh.....	26
11.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	26
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH VÀ	
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	27
12. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	27
13. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	27
13.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	27
13.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án	27
14. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	28
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN	29
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	30

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ vị trí Dự án	6
Bảng 2. Thống kê trữ lượng mỏ đất của Dự án	6
Bảng 3. Lượng nhiên liệu sử dụng trong 01 ca.....	9
Bảng 4. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án.....	18
Bảng 5. Khối lượng CTNH phát sinh từ dự án.....	18
Bảng 6. Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã phê duyệt.....	23
Bảng 7. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm đối với nước mưa chảy tràn	25
Bảng 8. Giá trị theo QCVN đối với tiếng ồn.....	26
Bảng 9. Giá trị theo QCVN đối với độ rung.....	26

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	KÝ HIỆU	CHÚ GIẢI
1	BVMT	Bảo vệ môi trường
2	CTNH	Chất thải nguy hại
3	CTR	Chất thải rắn
4	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
5	GPMT	Giấy phép môi trường
6	ng.đ	ngày đêm
7	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
8	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
9	QCXD	Quy chuẩn xây dựng
10	XLNT	Xử lý nước thải

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên chủ dự án

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV Quý Hoài
- Địa chỉ văn phòng: thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Cao Văn Quý - Giám đốc
- Điện thoại: 0949.956.545
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200569631, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2013. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/5/2017, đăng ký cấp lại lần thứ 1 ngày 09 tháng 7 năm 2019 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

2. Tên dự án

- Tên dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm dự án: Xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):
 - + Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.
 - + Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”;
 - + Quyết định số 68/QĐ-QHVL ngày 19/7/2023 của Công ty TNHH MTV Quý Hoài về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng công trình: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;
 - + Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 về việc cho phép khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;
 - + Công văn số 779/SKH-DN ngày 04/4/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tăng công suất khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;
- Quy mô của Dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc loại hình công nghiệp, thuộc đối tượng nhóm C.
- Phân loại tiêu chí về môi trường: Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm II quy định tại Mục 9.III quy định tại Phụ lục IV của Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
- Dự án có vị trí thực hiện tại xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với diện tích 3,03 ha đã được UBND tỉnh Quảng Trị đã cấp phép khai thác tại Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 04/10/2023.

Bảng 1. Tọa độ vị trí Dự án

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000. KT trực 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000. KT trực 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201	6	1.876.059	571.166
2	1.876.158	571.249	7	1.876.019	571.136
3	1.876.073	571.301	8	1.876.035	571.113
4	1.875.997	571.261	9	1.876.127	571.092
5	1.876.031	571.246	10	1.876.201	571.106

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án

3.1. Công suất của dự án

Dự án có vị trí thực hiện tại xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với diện tích 3,03 ha nằm trong phạm vi diện tích 3,03 ha đã được phê duyệt kết quả thăm dò tại Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị và cấp phép khai thác tại Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 04/10/2023. Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp ở cấp 122 là **193.522m³**.

Bảng 2. Thống kê trữ lượng mỏ đất của Dự án

TT	Tên khối - Cấp trữ lượng	Diện tích khối trữ lượng (m ²)	Chiều dày trung bình khối trữ lượng (m)	Trữ lượng cấp 122 (m ³)
1	1 - 122	3,03	7,23	193.522
Cộng trữ lượng cấp 122				193.522

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào khai thác: 219.069 m³ ở cấp 122.
- Trữ lượng huy động vào khai thác 193.522 m³.
- Công suất thiết kế: Công suất khai thác 40.000 m³ đất san lấp/năm.
- Thời gian hoạt động: 5 năm.

* Quá trình khai thác đất phục vụ cho công tác san lấp mặt bằng của các công trình vào những tháng cuối năm 2023, đầu năm 2024 và kế hoạch san lấp mặt bằng các công trình trong khu vực đã liên hệ với Công ty để mua đất san lấp (Như dự án: Khu tái định cư xã Linh Trường - là dự án phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án cao tốc đường bộ đoạn Vạn Ninh-Cam Lộ, giai đoạn 2021-2025; Dự án Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1...) cho thấy nhu cầu sử dụng đất san lấp rất lớn. Vì vậy, Công ty TNHH MTV Quý Hoài xin phép được điều chỉnh công suất khai thác qua các năm. Cụ thể:

Bảng 1.8. Phân khai thời gian khai thác mỏ đất Vĩnh Hà 3

TT	Thời gian khai thác	Khối lượng khai thác từng năm dựa theo QĐ đã cấp phép (m ³)	Khối lượng đề xuất điều chỉnh (m ³)
1	Năm 2023	15.000	Đã khai thác 15.000
2	Năm 2024	40.000	110.000
3	Năm 2025	40.000	40.000

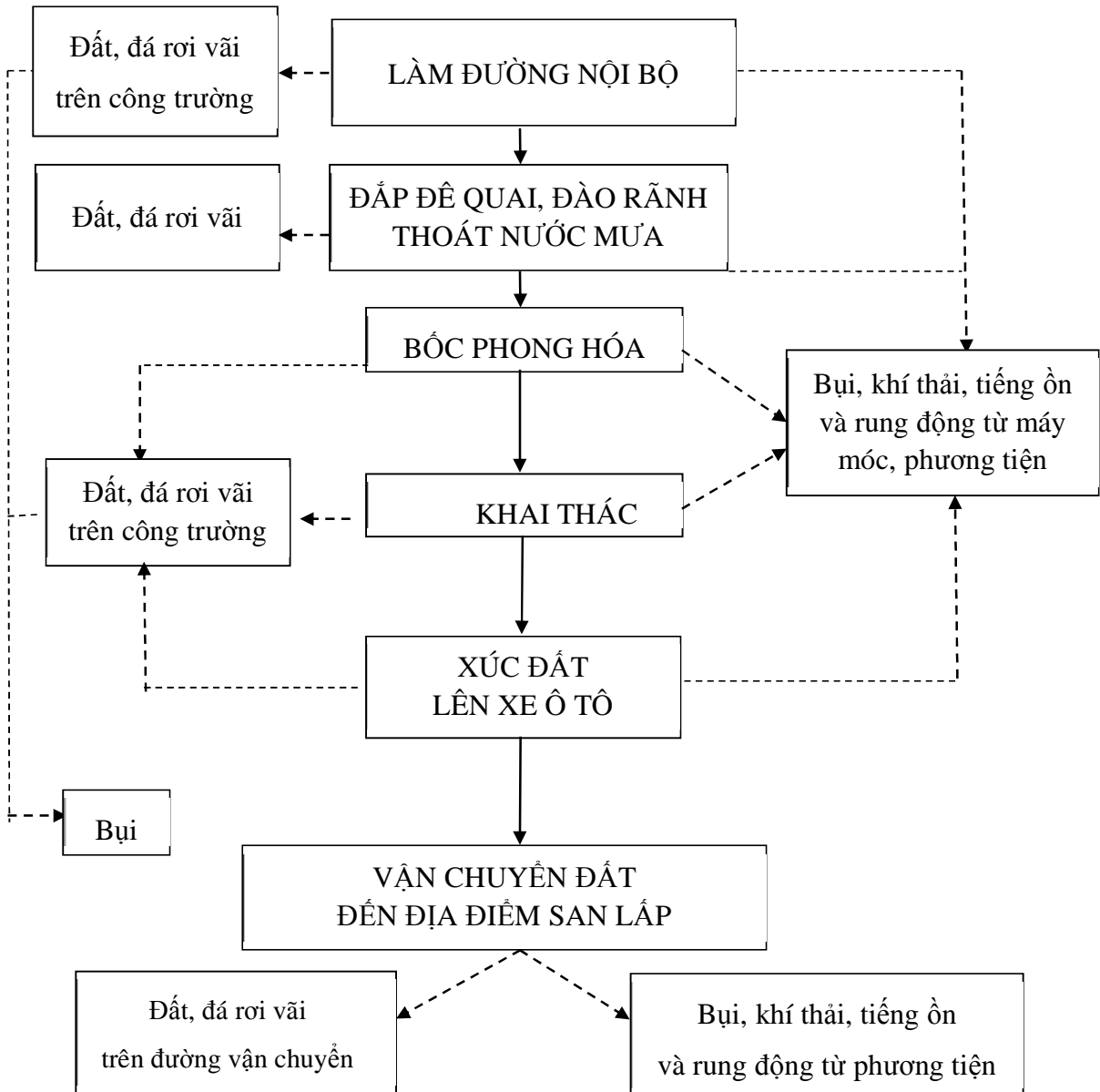
Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

4	Năm 2026	40.000	10.000
5	Năm 2027	40.000	10.000
5	Năm 2028	18.522	8.522
	Tổng cộng	193.522	193.522

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án

3.2.1. Mô tả công nghệ khai thác

Hoạt động của mỏ là khai thác đất nên quy trình khá đơn giản, sau khi có giấy phép khai thác khoáng sản Chủ dự án đưa vào khai thác. Quy trình công nghệ khai thác tại mỏ được thể hiện như sau:



Sơ đồ quá trình khai thác và các yếu tố tác động đến môi trường

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở cân đối khả năng tài chính, thị trường, điều kiện hạ tầng cơ sở hiện có, thiết bị thông dụng... Công ty TNHH MTV Quý Hoài đã chọn công suất khai thác đất trung bình của mỏ là 40.000 m³/năm.

Thời gian tồn tại của mỏ là khoảng thời gian tính từ khi bắt đầu thi công mở vỉa cho đến khi kết thúc giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ.

$$T = T_{xdbc} + T_{kt} + T_{phmt}$$

+ $T_{xdbc} = 2$ tháng (Thời gian xây dựng cơ bản).

+ $T_{phmt} = 2$ tháng (Thời gian cải tạo, trồng cây, phục hồi môi trường).

+ T_{kt} : Thời gian khai thác mỏ.

$$T_{kt} = 193.522/40.000 = 4,84 \text{ năm} = 58 \text{ tháng}$$

Vậy tuổi thọ của mỏ là:

$$T = T_{xdbc} + T_{kt} + T_{phmt} = 2 + 58 + 2 = 62 \text{ tháng} = 5,2 \text{ năm}$$

Như vậy, thời gian thực hiện dự án theo thiết kế là 5 năm 2 tháng, thời gian bắt đầu khai thác từ tháng 10/2024 hoàn thiện các thủ tục pháp lý và triển khai thực hiện dự án.

Sau khi hết thời hạn trong giấy phép, Chủ dự án sẽ hoàn thành công tác hoàn thổ, phục hồi môi trường, địa hình khu vực khai thác, nếu khối lượng chưa đảm bảo, Chủ dự án lập hồ sơ xin gia hạn để đảm bảo khối lượng khai thác theo thiết kế.

3.2.2. Hệ thống khai thác

Chiều sâu tầng sản phẩm đất đá làm vật liệu san lấp trong diện tích thăm dò từ 7,1-7,3m, do vậy dùng phương pháp khai thác lộ thiên bằng phương pháp cắt tầng dạng bậc thang từ trên xuống. Chiều cao của tầng khai thác từ 3-4m, chiều rộng của các đường bậc thang (đường kháng chân tầng) khoảng 2m. Khai thác triệt để từng tầng một từ trên xuống hết tầng sản phẩm và chỉ khai thác đến cos +40m.

Bảng 1.6. Các thông số khai thác mỏ đất Vĩnh Hà 3

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H	m	7,1 - 7,3
2	Chiều cao tầng kết thúc	H _{kt}	m	7,1 - 7,3
3	Chiều rộng mặt tầng công tác	B _{min}	m	23,3
4	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	a _k	độ	35,0
5	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	a _{kt}	độ	35,0
6	Chiều rộng mặt tầng khai thác	B _{kt}	m	02
7	Chiều dài luồng xúc	L _x	m	6,5
8	Góc nghiêng bề mặt khi kết thúc	G _{kt}	độ	35,0
9	Khoảng cách an toàn mép ngoài tầng	C	m	2,5 - 3
10	Số gương khai thác đồng thời	N		01- 02
11	Chiều rộng khoảnh khai thác	A	m	15 - 17
12	Chiều dài tuyến khai thác	L _{ct}	m	20 - 30
13	Góc nghiêng mặt tầng khai thác	b	độ	0

3.2.3. Danh mục máy móc phục vụ hoạt động sản xuất

Căn cứ khối lượng đất khai thác trong thời gian 5 năm, tổng số phương tiện máy móc, thiết bị cần sử dụng là 05 phương tiện. Các phương tiện, máy móc và thiết bị phục vụ cho khai thác đất san lấp là các thiết bị chuyên dùng hiện có của Công ty TNHH MTV Quý Hoài, vào thời điểm tang cao thì Doanh nghiệp hợp đồng thêm 03-05 chiếc ô tô vận tải với các hộ gia đình có đầu tư xe vận tải trên địa bàn. Tình trạng các thiết bị còn hoạt động tốt, các phương tiện vận chuyển đều trong thời hạn đăng kiểm, có Giấy chứng nhận (GCN) kiểm tra an toàn kỹ thuật (ATKT) và bảo vệ môi trường (BVMT) xe máy chuyên dùng trong khai thác sử dụng.

Bảng 1.4. Nhu cầu phương tiện, thiết bị của Dự án

TT	Tên máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã hiệu
1	Máy đào 1,6 m ³ /gàu	Chiếc	02	Komatsu(Doosan)
2	Ô tô tự đổ 10T	Chiếc	02	Hyundai
3	Ô tô tải chở Satalo nước + máy bơm	Bộ	01	Thaco
	Tổng cộng		05	

3.3. Sản phẩm của dự án

- Khối lượng sản phẩm: Tổng trữ lượng đất san lấp mặt bằng được huy động vào khai thác là 193.522 m³. Chất lượng khoáng sản của Dự án đảm bảo các yêu cầu sử dụng làm vật liệu san lấp công trình.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

4.1. Nguyên, nhiên liệu

Dự án không có nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu phục vụ cho khai thác mà chủ yếu sử dụng nhiên liệu để vận hành thiết bị. Trong giai đoạn khai thác lượng nhiên liệu sử dụng chủ yếu là dầu Diesel dùng cho máy đào để khai thác san lấp. Dự kiến lượng dầu Diesel dùng cho hoạt động thi công hàng năm như sau:

Bảng 3. Lượng nhiên liệu sử dụng trong 01 ca

TT	Phương tiện, thiết bị	Số lượng	Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/ca)	Lượng nhiên liệu sử dụng (lít)
1	Máy xúc	02	45	90
2	Ô tô vận chuyển	02	28	56
3	Ô tô chở nước	01	24	24
	Tổng cộng	06	97	170

4.2. Nguồn cung cấp điện, nước

Quá trình thực hiện của Dự án không có nhu cầu sử dụng điện lưới để sản xuất. Tuy nhiên, để phục vụ cho công tác bảo vệ tài sản, thiết bị và máy móc qua đêm, chủ dự án sẽ hợp đồng với Công ty Điện lực Quảng Trị để sử dụng điện chiếu sáng.

Dự án không có nhu cầu sử dụng nước để sản xuất do đặc thù dự án khai thác đất san lấp không cần nguyên liệu để sản xuất. Hầu hết công nhân thực hiện dự án là

người địa phương nên không có nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt (tắm, giặt...) mà chỉ sử dụng nước uống đóng bình với khối lượng khoảng 01 bình 20 lít/ngày.

Nước phục vụ phun ẩm, giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển được bơm từ Khe Rào Trường lên xe có bồn chứa và tiến hành phun ẩm trong tại khu vực khai thác cũng như dọc các tuyến đường với tần suất 04 lần/ngày khoảng 15-20 m³/ngày

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

5.1. Các hạng mục công trình của dự án

5.1.1. Các hạng mục công trình chính

- Khu vực khai thác mỏ: 3,03 ha.
- Bãi tập kết máy móc, thiết bị: 50 m² (Nằm trong phạm vi mỏ).
- Bãi thải tạm: 100 m² (Nằm trong phạm vi mỏ).
- Lán trại tạm cho công nhân: 20 m² (Nằm trong phạm vi mỏ).

Với đặc điểm của Dự án là khai thác đất san lấp công trình trong thời gian các tháng mùa khô các năm từ 2023-2028, số lượng công nhân ít và là người địa phương nên không cần đầu tư các công trình xây dựng cơ bản như nhà ở, nhà văn phòng hay các công trình khác mà chỉ dựng lán trại tạm để che nắng cho công nhân vào giờ nghỉ giữa ca. Dự án thuê nhà dân làm văn phòng và có nhà vệ sinh để sinh hoạt. Ngoài ra, quá trình thực hiện dự án không cần đầu tư xây dựng các tuyến đường công vụ mà tận dụng các tuyến đường sẵn có hoặc chỉ tiến hành san gạt sơ bộ tạo mặt bằng ở khu vực khai thác để phương tiện thi công và xe vận chuyển đất san lấp hoạt động.

Đối với đất hữu cơ từ quá trình bóc phong hóa do thuộc nhóm đất cấp V nên khi bắt đầu khai thác sẽ được vận chuyển đến bãi thải tạm trong khu vực dự án để tận dụng cho quá trình CTPHMT sau này.

5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

(1) Tuyến đường thi công vận chuyển nội bộ mỏ:

Hiện trạng trong khu vực mỏ có 01 tuyến đường đất đỏ dân sinh chạy xung quanh khu vực mỏ của chủ đất nhằm phục vụ cho quá trình trồng, chăm sóc và khai thác rừng trong phạm vi mỏ với chất lượng tốt. Chủ dự án sẽ sử dụng tuyến đường này để phục vụ vận chuyển nội bộ mỏ nên không ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh tại khu vực có liên quan đến tuyến đường nói trên. Tuy nhiên, chủ dự án cam kết chỉ cải tạo, nâng cấp, không gây ảnh hưởng đến việc đi lại sản xuất của người dân khi cần thiết.

(2) Tuyến đường vận chuyển đất san lấp:

Tuyến đường giao thông kết nối khu vực Dự án đến tuyến đường Hồ Chí Minh: Dự án → Tuyến đường đất cấp phối đồi → Tuyến đường nhựa → đường Hồ Chí Minh → Các khu vực san lấp công trình.

+ Tuyến đường đất cấp phối đồi: Điểm đầu từ tại ngã ba đường nhựa vào khu vực dự án, dài 1km, vào mùa nắng sẽ thuận lợi vận chuyển, mùa mưa đường lầy lội khó đi (nhưng dự án không hoạt động những tháng mưa).

+ Tuyến đường nhựa: Điểm đầu tại ngã ba vào khu vực dự án, kết thúc tại ngã tư Khe Cau Vĩnh Sơn. Chiều dài 1km, mặt đường 3,5m, chất lượng đường tốt khoảng 1km từ Ngã tư Khe Cau vào đã được trải nhựa, thuận lợi vận chuyển.

Các tuyến đường có thể chịu được xe có tải trọng 15 tấn. Trong quá trình hoạt

động có hư hỏng thì chủ dự án sẽ tiến hành duy tu, sửa chữa tần suất tối thiểu 1 lần/năm. Đây sẽ là tuyến đường vận chuyển chính của khu vực Dự án.

(3) Các máy móc thiết bị phục vụ khai thác đất làm vật liệu san lấp:

Căn cứ khối lượng đất khai thác trong thời gian 5 năm, tổng số phương tiện máy móc, thiết bị cần sử dụng là 02 phương tiện. Các phương tiện, máy móc và thiết bị phục vụ cho khai thác đất san lấp là các thiết bị chuyên dùng hiện có của Công ty TNHH MTV Quý Hoài và hợp đồng thêm với các hộ gia đình có đầu tư xe vận tải trên địa bàn. Tình trạng các thiết bị còn hoạt động tốt, các phương tiện vận chuyển đều trong thời hạn đăng kiểm, có Giấy chứng nhận (GCN) kiểm tra an toàn kỹ thuật (ATKT) và bảo vệ môi trường (BVMT) xe máy chuyên dùng trong khai thác sử dụng.

5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

+ Khu vực mỏ chưa khai thác là khu vực có cos cao hơn địa hình, khe cạn xung quanh nên nước mưa trong khu vực mỏ sẽ tự chảy theo hướng địa hình về phía Tây Nam, tại đây có hẻm cạn dẫn nước xuống khe Rào Trường.

+ Moong khai thác: Nước chảy tràn trên các mặt tầng được thu gom bằng các rãnh (kích thước 1x2m, sâu 0,5m) đặt ở chân tầng về khu vực hồ lắng nước nhờ độ nghiêng mặt tầng. Đáy moong cao hơn địa hình xung quanh, nên thoát nước moong bằng phương pháp tự chảy. Thu gom nước mưa rơi trong diện tích moong về hồ lắng để lắng bùn, đất mà nước mưa mang theo trước khi thoát ra khe cạn trong khu vực. Trên diện tích khai thác 3,03 ha, đã bố trí 02 hồ lắng:

* Hồ lắng số 01: 01 hồ lắng tại điểm số 01 ở phía Bắc khu mỏ (X=1.876.242, Y= 571.201), kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 3m x 2m x 1m để lắng phần nước mưa chảy tràn ở phần phía Đông đường chuyển trong khu mỏ.

* Hồ lắng số 02: 01 Hồ lắng trên phần diện tích thấp của moong khai thác gần vị trí điểm góc số 7, kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 17m x 11m x 1m. Vì vào những ngày mưa lớn, mỏ ngừng hoạt động khai thác nên lượng chất rắn cuốn theo rất hạn chế. Điểm thoát nước chính của dự án được thể hiện chi tiết tại bản đồ kết thúc khai thác và cải tạo phục hồi môi trường. Cụ thể như sau: Nằm ở phía Nam của mỏ, tại mốc toạ độ số 7 (X=1.876.019, Y= 571.136). Điểm thoát nước có cos hiện trạng là 42,52m so và cos khu vực kết thúc khai thác thoát nước ra điểm này khoảng từ 43,33 - 60,81m;

+ Đào mương thoát nước theo hướng nghiêng địa hình từ moong khai thác đến vị trí khe suối hiện trạng gần nhất của từng năm khai thác với kích thước BxH = 1m x 2m về khu vực thấp đã được đắp để quai trước khi khai thác để giảm tốc độ dòng chảy và lắng sơ bộ.

+ Tại khu vực lán trại, bố trí rãnh thoát nước mưa dài khoảng 150m, rộng 0,5m, sâu 0,7 m và đổ về hồ gom có kích thước (2x1,5x1,5)m để làm lắng trước khi thoát ra khe cạn trong khu vực.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Thuê nhà dân có bể tự hoại 3 ngăn gần khu vực dự án để sinh hoạt.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

- Xử lý bụi: Phun ẩm trong những ngày nắng nóng với tần suất tưới 02-04 lần/ngày trên tuyến đường vận chuyển đoạn từ ngã tư Khe Cau Vĩnh Sơn vào khu vực Dự án. Lượng nước tiêu thụ khoảng 5 m³/ngày.

- Lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 01 thùng đựng rác sinh hoạt loại 60L tại khu vực lán trại. Hướng dẫn và yêu cầu công nhân thực hiện việc phân loại rác tại nguồn.

- Lưu giữ CTNH: Trang bị 01 thùng rác loại 60L để thu gom và lưu trữ CTNH phát sinh.

- Lưu giữ đất phủ: Theo phương án khai thác thì lượng đất này được san gạt đưa về bãi thải tạm trong khu vực dự án, sau khi khai thác xong hằng năm sẽ san gạt để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác. Bãi thải có diện tích trung bình 0,05 - 0,1 ha/năm tùy theo năm khai thác được bố trí ở khu vực có địa hình cao thuộc phạm vi của năm khai thác tiếp theo của khu mỏ, đảm bảo cách xa các khe suối để và có đê quai để hạn chế sạt lở, ô nhiễm nguồn nước mặt (chi tiết có ở bản đồ tổng mặt bằng ở phần phụ lục).

- Cây xanh: trồng lại toàn bộ diện tích cây xanh (keo lai) trên toàn bộ khai trường 3,03 ha.

5.2. Tiến độ dự án

Thời gian hoạt động của Dự án là 5 năm: 2023-2028

5.3. Tổng mức đầu tư

Tổng kinh phí thực hiện dự án là 6.215.429.000 đồng (Sáu tỷ, hai trăm mười lăm triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng). Trong đó, vốn tự có của Công ty chiếm 30% và vốn vay chiếm 70% tổng số nguồn vốn của các Ngân hàng thương mại trong nước.

Bảng 1.7. Vốn đầu tư dự án

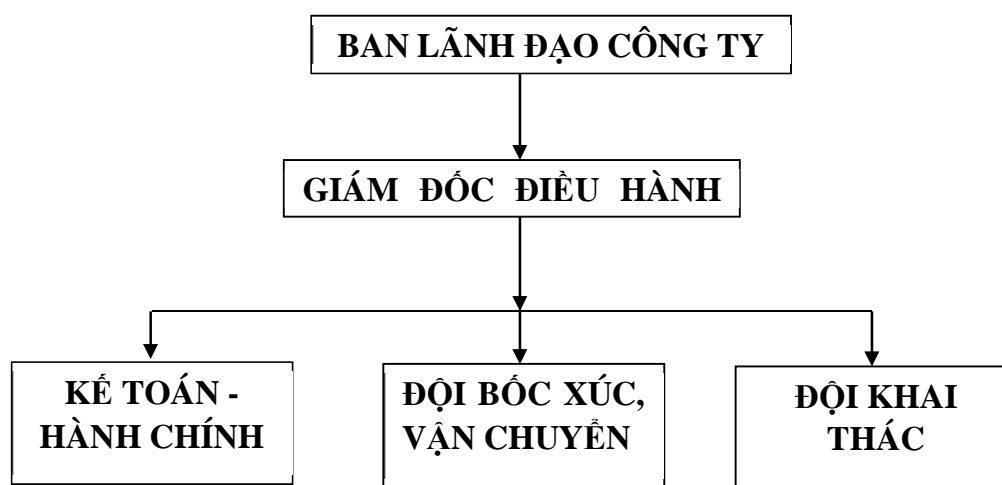
TT	Các khoản mục chi phí	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí xây dựng	826.947.480
2	Chi phí thiết bị	3.262.875.000
3	Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác	690.274.110
4	Chi phí tiền trúng cấp quyền khai thác	456.281.947
5	Dự phòng	217.277.118
6	Chi phí giải phóng mặt bằng	434.554.235
7	Vốn lưu động	327.219.339
TỔNG CỘNG		6.215.429.000

5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Hình thức quản lý Dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Để tận dụng hết công suất của thiết bị và phục vụ được nhu cầu của thực tế, việc khai đào được tổ

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

chức theo quy mô đội sản xuất, hoạt động theo cơ chế khoán sản phẩm, làm việc 01 ca trong ngày, đội chịu sự điều hành trực tiếp của Giám đốc điều hành mỏ như sau:



Hình 1.3. Sơ đồ tổ chức

Trên cơ sở sản khối lượng cần phải thực hiện, định mức khối lượng công việc và số lượng thiết bị lựa chọn để phục vụ sản xuất, số lượng lao động tại mỏ được xác định như sau:

Bảng 1.8. Cơ cấu tổ chức thực hiện dự án

TT	Nội dung công việc	Số lượng (người)
1	Bộ phận gián tiếp	03
-	Giám đốc điều hành mỏ	01
-	Kế toán	01
-	Thủ quỹ	01
2	Bộ phận trực tiếp sản xuất	04
-	Điều khiển máy xúc	02
-	Lái ô tô	02
	Tổng cộng	07

Như vậy, số lượng cán bộ và công nhân của dự án là 07 người

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với Dự án

Hiện tại, từ thời điểm mỏ đất Vĩnh Hà 3 đi vào hoạt động (10/2023) đến nay chưa có đoàn kiểm tra của cơ quan chuyên ngành.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án phù hợp với các quy hoạch như sau:

- Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 đã được bổ sung Quy hoạch mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/9/2021. Dự án được xác định vào mục đích đất cho hoạt động khoáng sản (đất làm vật liệu san lấp) là phù hợp với với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm 2021 của huyện Vĩnh Linh đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 31/8/2021.

- Vị trí thực hiện dự án phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Linh đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2023.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Hướng phát triển trọng tâm của Vùng huyện Vĩnh Linh: Khai thác các công trình hạ tầng của tỉnh, các hành lang hạ tầng quốc gia đi qua huyện để phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của nhân dân. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh công tác quốc phòng an ninh. Nâng cao vị thế của huyện trong toàn tỉnh.

+ Về phân vùng môi trường: Dự án thuộc Vùng khác (không nằm trong Vùng bảo vệ nghiêm ngặt và Vùng hạn chế phát thải) là toàn bộ diện tích còn lại của tỉnh Quảng Trị được thực hiện các phương án bảo vệ môi trường và quy định về bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển dân sinh, kinh tế theo luật định.

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị. Đến nay chưa có hoạt động KTXH nào tác động đáng kể so với thời điểm thực hiện lập, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó, khu vực dự án có khả năng tiếp nhận các chất thải phát sinh từ dự án.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Việc khai thác đất diễn ra chủ yếu vào mùa khô, đồng thời có đê quai tạm tại khai trường cao từ 0,5-1m vào thời gian đầu mỗi năm (giai đoạn) khai thác nhằm ngăn chia khu vực khai thác với các khe suối đồng thời tạo bề lửng sơ bộ nên ít gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt.

- Khu vực mỏ chưa khai thác là khu vực có cos cao hơn địa hình, khe cạn xung quanh nên nước mưa trong khu vực mỏ sẽ tự chảy theo hướng địa hình về phía Tây Nam, tại đây có hẻm cạn dẫn nước xuống khe Rào Trường.

- Moong khai thác: Nước chảy tràn trên các mặt tầng được thu gom bằng các rãnh (kích thước 1x2m, sâu 0,5m) đặt ở chân tầng về khu vực hố lắng nước nhờ độ nghiêng mặt tầng. Đáy moong cao hơn địa hình xung quanh, nên thoát nước moong bằng phương pháp tự chảy. Thu gom nước mưa rơi trong diện tích moong về hố lắng để lắng bùn, đất mà nước mưa mang theo trước khi thoát ra khe cạn trong khu vực. Trên diện tích khai thác 3,03 ha, đã bố trí 02 hố lắng:

+ Hố lắng số 01: 01 hố lắng tại điểm số 01 ở phía Bắc khu mỏ (X=1.876.242, Y= 571.201), kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 3m x 2m x 1m để lắng phần nước mưa chảy tràn ở phần phía Đông đường chuyên trong khu mỏ.

+ Hố lắng số 02: 01 Hố lắng trên phần diện tích thấp của moong khai thác gần vị trí điểm góc số 7, kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 17m x 11m x 1m. Vì vào những ngày mưa lớn, mỏ ngừng hoạt động khai thác nên lượng chất rắn cuốn theo rất hạn chế. Điểm thoát nước chính của dự án được thể hiện chi tiết tại bản đồ kết thúc khai thác và cải tạo phục hồi môi trường. Cụ thể như sau: Nằm ở phía Nam của mỏ, tại mốc toạ độ số 7 (X=1.876.019, Y= 571.136). Điểm thoát nước có cos hiện trạng là 42,52m so và cos khu vực kết thúc khai thác thoát nước ra điểm này khoảng từ 43,33 - 60,81m;

- Đào mương thoát nước theo hướng nghiêng địa hình từ moong khai thác đến vị trí khe suối hiện trạng gần nhất của từng năm khai thác với kích thước BxH = 1m x 2m về khu vực thấp đã được đắp đê quai trước khi khai thác để giảm tốc độ dòng chảy và lắng sơ bộ.

Ngoài ra, để hạn chế tác động do nước mưa chảy tràn, Chủ dự án đã tiến hành thực hiện các biện pháp sau:

+ Hạn chế tối đa việc rò rỉ dầu mỡ từ các phương tiện, máy móc khai thác bằng cách che đậy khi có mưa.

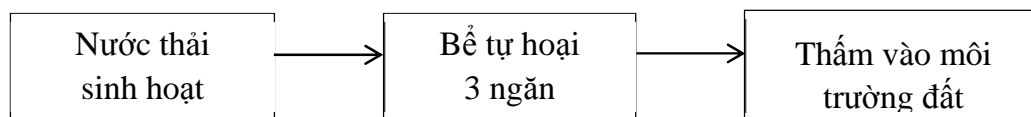
+ Không tiến hành thi công vào những ngày mưa

+ Thu dọn nạo vét các mương thoát nước đảm bảo nước mưa không bị tắc nghẽn, ú đọng. Thu dọn nạo vét hố gom, hố lắng để đảm bảo dung tích lắng nước. Lượng bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét mương, hố gom, hố lắng sẽ được chở về bãi thải tạm để lưu chứa.

+ Thực hiện việc thay thế dầu nhờn, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên khai trường

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom và xử lý bằng bồn tự hoại 3 ngăn tại nhà văn phòng của mỏ. Hiện tại, Công ty đã sử dụng nhà ông Cao Văn Quý để làm văn phòng. Văn phòng đã được bố trí nhà vệ sinh tự hoại ba ngăn với thể tích 6m³. Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống nhựa D110 về bồn tự hoại, sau khi được xử lý sẽ dẫn ra thấm và thoát ra môi trường.

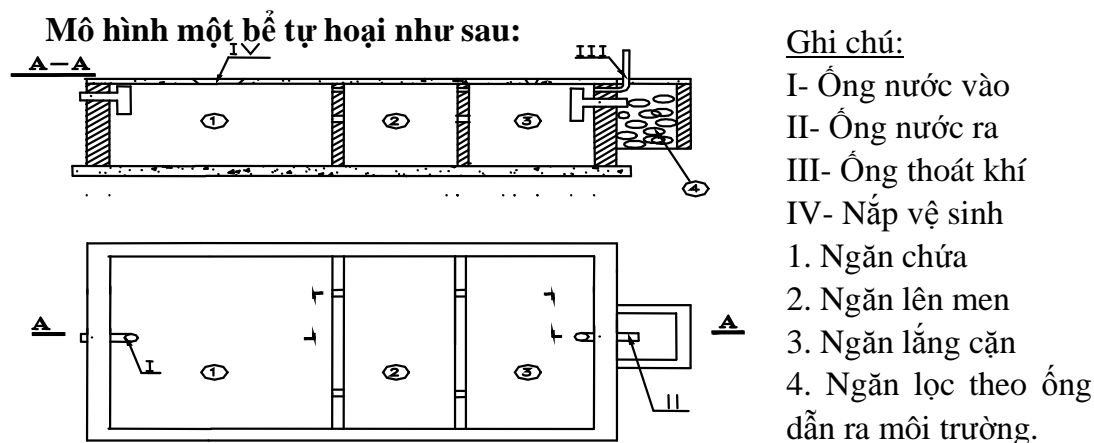


Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của Dự án

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải phát sinh từ 7 CBCNV làm việc tại khu mỏ với khối lượng phát sinh 0,7m³/ng.đ. Chủ dự án sử dụng nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn tại khu vực văn phòng với thể tích 6m³ để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý qua các bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực văn phòng. Hiệu suất xử lý bể tự hoại 3 ngăn khá cao đối với COD là 77% và TSS là 86,2%. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột B và được thấm thấm vào môi trường đất.



Hình 3.2. Mô hình bể tự hoại 3 ngăn

- Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân hủy cặn lắng, nên cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn gồm: 1 ngăn chứa và 2 ngăn lắng.

- Nhà vệ sinh Khu nhà văn phòng cách khu mỏ 1,5km trên tuyến đường vận chuyển, đảm bảo nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt cho công nhân và lái xe vào ra mỏ.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi

- Tiến hành khai thác cuốn chiếu, mở moong khai thác dứt điểm đối với từng khu vực.

- Hoạt động đào đất, san mặt bằng sẽ được tiến hành thực hiện theo phương thức cuốn chiếu, mở moong khai thác đất đến đâu thì tiến hành san ủi mặt bằng đến đó.

- Các xe vận chuyển đất san lấp tận thu sẽ được che phủ kín bạt khi hoạt động, không để rơi vãi xuống đường gây bụi và làm mất an toàn trong khu vực dự án cũng như trên tuyến đường vận chuyển....

- Không sử dụng các phương tiện vận tải và máy móc khai thác đất quá cũ, có khả năng gây ô nhiễm cao và phải có giấy phép của cục Đăng kiểm. Đồng thời thường xuyên tiến hành vệ sinh, bảo dưỡng định kì cho các máy, thiết bị. Các yêu cầu này sẽ là điều khoản ràng buộc trong hợp đồng.

- Phun ẩm trong những ngày nắng nóng với tần suất tưới 02-04 lần/ngày trên tuyến đường vận chuyển đoạn từ Ngã Tư Khe Cau Vĩnh Sơn vào khu vực Dự án. Lượng nước tiêu thụ khoảng 5 m³/ngày.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bôi trơn cho các thiết bị để kịp thời sửa chữa thay thế.

- Lựa chọn các phương tiện khai thác đất tiên tiến nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải xuống mức thấp nhất.

+ Không khai thác đất vào buổi tối và giờ cao điểm.

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như: áo quần bảo hộ, khẩu trang chống bụi, găng tay... cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- Đất tại khu vực đất phong hoá hữu cơ, phù hợp để sản lập khu vực trồng rừng sản xuất (keo, trầm) có địa hình thấp trũng như đã thỏa thuận..

- Chiều cao đống thải đất phong hoá không vượt quá 1m so với địa hình khu vực xung quanh; thực hiện các biện pháp san gạt hạn chế phát sinh bụi.

- Bảo vệ, không chặt phá cây xanh sẵn có xung quanh khu vực mỏ.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường tại khu vực khai thác

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Hoạt động sinh hoạt của 7 CBCNV sẽ phát sinh chất thải rắn có khối lượng khoảng 3,5 kg/ngày. Thành phần của CTR sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, bao bì nilon, xương động vật,... Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp xử lý sau:

- Hướng dẫn và yêu cầu công nhân thực hiện việc phân loại rác tại nguồn thành các nhóm: hữu cơ, tái chế và không tái chế.

- Bố trí 02 thùng chứa rác loại 60L tại khu vực mỏ để thu gom phân loại rác, đảm bảo các thùng rác được đặt ở vị trí thuận tiện cho việc thu gom. Rác thải sau khi thu gom tại mỏ, được vận chuyển về văn phòng (cách khu mỏ khoảng 1,5km) để thu gom chung rác với hộ gia đình (ông Cao Văn Quý - Giám đốc Công ty).

- Giáo dục nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho công nhân và cán bộ quản lý để hình thành thói quen, nếp sống mới.

3.2. Chất thải rắn sản xuất

- Chất thải rắn là đất rơi vãi dọc tuyến đường vận chuyển: hàng ngày bố trí công nhân và phương tiện thu gom đất, đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển nhằm hạn chế nguy cơ gây tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường, tần suất 01 lần/ngày và tăng lên khi cần thiết.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

- Chất thải rắn là đất phong hoá được tập kết tại khu vực bãi thải sẽ tận dụng để cải tạo phục hồi môi trường.

Bùn thải từ các quá trình nạo vét các rãnh thoát nước mưa, hồ lắng sẽ được thu gom về bãi thải tạm thời để sử dụng cho công tác CTPHMT

Bảng 4. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Bùn thải từ quá trình nạo vét rãnh thoát nước mưa, hồ lắng	12 06 13	100 kg/năm
2	Đất đá phủ từ quá trình bóc phong hóa	11 05 04	5.694 m ³ /năm
3	Giấy, bì cacton	12 08 03	60 kg/năm

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

CTNH phát sinh từ hoạt động của Dự án gồm có giẻ lau dính dầu mỡ và bao bì đựng dầu mỡ trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in từ khu vực văn phòng. Khối lượng phát sinh CTNH khoảng 5 - 7 kg trong 1 tháng. Thành phần chiếm tỷ lệ lớn nhất chủ yếu là giẻ lau dính dầu và bao bì đựng dầu mỡ.

Bảng 5. Khối lượng CTNH phát sinh từ dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	24 kg/năm	18 02 01
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20 lít/năm	17 02 04
3	Các loại dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	20 lít/năm	17 01 07
4	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	12 kg/năm	15 01 01

Mặc dù với khối lượng ít, nhưng để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, Chủ dự án đã bố trí 01 thùng chứa CTNH 120 l chuyên dụng chứa CTNH rắn và 01 thùng 50l để chứa dầu thải tại khu lán trại để lưu giữ tạm CTNH. Sau đó, hợp đồng định kỳ với đơn vị có năng lực vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

Đối với nhiên liệu sử dụng cho máy móc thiết bị được chứa trong các can, phuy chuyên dụng và để trong nhà kho CTNH, tránh để nước mưa chảy tràn xâm nhập vào.



Thùng chứa CTNH dạng rắn và CTNH dạng lỏng

Chủ dự án cam kết sẽ đã hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại (Như Công ty Cổ phần Xử lý Môi trường Nghệ An) trước tháng 10/2024, đảm bảo CTNH không lưu trữ quá 12 tháng và thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyên giao CTNH của Dự án.

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các tác động phát sinh do tiếng ồn trong quá trình vận hành thương mại do hoạt động của xe máy xúc và xe tải ben sẽ gây ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường xung quanh mặc dù tác động này chỉ phát sinh trong thời gian ngắn. Dự án được triển khai tại khu vực có không gian tương đối rộng và thoáng, các chất gây ô nhiễm môi trường không khí phát sinh trong quá trình khai thác được phát tán và pha loãng tốt, đồng thời cách khu vực dân cư cũng khá xa nên tác động do tiếng ồn đến người dân là không đáng kể. Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến công nhân lao động trực tiếp, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bôi trơn thiết bị, không dùng những thiết bị thiếu đồng bộ, rơ hỏng và đảm bảo rằng tiếng ồn từ các phương tiện, thiết bị ổn định.

- Đầu tư các máy móc thiết bị mới, hiện đại để đáp ứng với công suất cấp phép, đồng thời ít gây ồn, rung động; không sử dụng các thiết bị, phương tiện có tiếng ồn lớn.

- Bố trí lịch khai thác đất hợp lý cho các đơn vị tổ, nhóm công nhân khai thác đất, nhất là ở các vị trí lao động gây ồn lớn nhằm hạn chế các tác động đến sức khỏe công nhân..

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Đối với sự cố cháy nổ

- Đối với hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ được quản lý bằng các quy định và nội quy như không được hút thuốc và vứt tàn thuốc vào những khu vực dễ cháy nổ; thực hiện các giải pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của ngành lâm nghiệp, phối hợp với BCH Phòng cháy chữa cháy rừng địa phương để có giải pháp ứng phó kịp thời.

- Đối với máy móc, động cơ sẽ được bảo trì, kiểm tra định kỳ, không hoạt động trong tình trạng quá tải.

- Thực hiện các biện pháp an toàn đối với khu vực chứa nhiên liệu, vật liệu dễ cháy nổ (xăng, dầu...).

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực. Xây dựng quy định PCCC để CBCNV áp dụng và học tập.

- Luôn có các phương tiện chữa cháy tại khu vực làm việc.

- Thường xuyên phát quang cây cỏ xung quanh khu vực để xảy ra cháy nổ.

- Tăng cường ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân làm việc trong mỏ.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ, công nhân giám sát sẽ báo ngay cho giám đốc mỏ để kịp thời chỉ đạo, đồng thời sử dụng các thiết bị cứu hỏa như: bình CO², vòi phun nước, cát... để dập ngay đám cháy. Trường hợp có người bị thương cần sơ cứu khẩn cấp và liên hệ với trung tâm y tế gần nhất để cứu chữa kịp thời.

6.2. Đối với sự cố tai nạn lao động

Để hạn chế tối đa sự cố về tai nạn lao động trong quá trình khai thác có thể xảy ra, Chủ dự án có thể áp dụng các biện pháp sau:

- Chủ dự án sẽ tổ chức đấu thầu để chọn ra đơn vị thi công có năng lực, đội ngũ công nhân có tay nghề cũng như kỹ thuật cao.

- Trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các chế độ về an toàn, vệ sinh sức khỏe đối với người lao động theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.

- CBCNV phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, qui trình, qui phạm về an toàn lao động và bảo dưỡng thiết bị, nhằm không để xảy ra các sự cố và rủi ro về tai nạn lao động.

- Thành lập ban thực hiện an toàn lao động do Giám đốc mỏ phụ trách nhằm mục đích theo dõi, kiểm tra việc thực hiện bảo hộ lao động an toàn lao động trên công trường của công nhân.

6.3. Đối với sự cố tai nạn giao thông

- Các loại xe tải tham gia vận chuyển đất tận thu của cơ sở đều đã có giấy đăng kiểm, các lái xe đều có bằng lái, không chở quá tải trọng cho phép và chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ.

- Đã đưa ra nội quy nghiêm ngặt cấm sử dụng chất kích thích (bia rượu...) trước và trong khi lái xe.

- Các xe chở đất san lấp tận thu ra khỏi công trường có khả năng phát sinh bụi luôn được che chắn kỹ để tránh ảnh hưởng đến người tham gia giao thông.

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức những người điều khiển phương tiện vận chuyển về an toàn giao thông.

- Việc vận chuyển được thực hiện đúng theo quy hoạch tuyến vận chuyển được phê duyệt.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường đất

- Phương án tổ chức khai thác đất hiện tại hợp lý, khai thác đất nhiều ca, tăng năng suất, dứt điểm đối với từng hạng mục để giảm thời gian chiếm dụng đất tạm thời.

- Kiểm tra máy móc khai thác đất thường xuyên tránh để dầu nhớt tràn ra ngoài.

7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

- Đã đưa ra nội quy yêu cầu công nhân xâm phạm đến tài nguyên rừng không thuộc địa phận quản lý của Dự án như săn bắn chim, thú; chặt phá cây gỗ...

- Đã và đang kiểm soát các chất thải phát tán vào môi trường, có biện pháp xử lý hợp lý các loại chất thải có thể gây hại cho môi trường đất, nước, ảnh hưởng đến hệ sinh vật cạn cũng như thủy sinh vật.

- Trước khi kết thúc khai thác, tiến hành hoàn phục môi trường nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường đất, nước, không khí trường.

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

8.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 13/7/2023, theo đó phương án cải tạo phục hồi môi trường như sau:

+ Tổng hợp các công trình CTPHMT, khối lượng công việc thực hiện trong quá trình CTPHMT

TT	Tên công trình	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	
I	Công tác san gạt mặt bằng và trồng cây			
1	San gạt mặt bằng	San gạt diện tích đã khai thác:	San gạt sau từng năm khai thác	Khoảng 2 tuần
		San gạt lán trại	Hai tháng đầu năm thứ 6, sau khi tháo dỡ lán trại, tiến hành san gạt	Khoảng 1 ngày
2	Trồng cây, chăm sóc cây khu vực khai thác	- Sau năm khai thác thứ 01, tiến hành san gạt, trồng và chăm sóc cây phần diện tích đã khai thác; - Các năm thứ 2, 3, 4,5 tiếp tục san gạt, trồng và chăm sóc cây. - Hai tháng đầu năm thứ 6: san gạt diện tích đất còn lại, trồng và chăm sóc cây đến hết thời hạn giao đất.	Khoảng 1 tháng	

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

TT	Tên công trình	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
		- Hai tháng đầu năm thứ 6: Tổ chức nghiệm thu, giám định công tác cải tạo phục hồi môi trường. Chủ dự án tiếp tục trồng và chăm sóc cây đến hết thời hạn giao đất.	
II	Tháo dỡ, thu dọn khu vực lán trại công nhân		
1	Tháo dỡ mái tôn	Hai tháng đầu năm thứ 6, sau khi kết thúc khai thác	Khoảng 2 ngày
2	Tháo dỡ khung công trình bằng gỗ		

+ Tổng số tiền ký quỹ: 208.913.000 đồng

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là:

$$220.016.000 \text{ đồng} \times 25\% = \mathbf{55.004.000 \text{ đồng}}$$

Chủ dự án đã nộp tiền ký quỹ lần đầu cho Quỹ BVMT tỉnh Quảng Trị (Có chứng từ ký quỹ kèm theo).

+ Số tiền ký quỹ còn lại những lần sau (4 năm còn lại), Chủ dự án sẽ ký quỹ là:

$$(220.016.000 - 55.004.000) / 4 = \mathbf{41.253.000 \text{ đồng/năm}}$$

Sau khi thực hiện đầy đủ công tác cải tạo phục hồi môi trường, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, Công ty sẽ được nhận lại toàn bộ số tiền này theo quy định.

- Dự án chỉ điều chỉnh kế hoạch khai thác theo từng năm, không thay đổi diện tích, phương án, kinh phí cải tạo phục hồi môi trường so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

8.2. Kế hoạch thực hiện

Phương án khai thác của Công ty thực hiện cuốn chiếu theo từng năm nên khối lượng đất hữu cơ được đưa trở về lại moong khai thác, do đó khi kết thúc khai thác mặt bằng khu mỏ tương đối bằng phẳng. Tiên độ thực hiện phương án CTPHMT cụ thể như sau:

- Đã cắm 08 mốc cảnh báo khu vực đang khai thác.

- Sau khi kết thúc quá trình khai thác từng năm, Công ty sẽ tiến hành công tác cải tạo, phục hồi môi trường tại các khu vực moong đã khai thác (san gạt và trồng cây). Đối với năm thứ nhất, đến nay thời gian khai thác chưa đến 1 năm, đến tháng 11 năm 2024, Công ty sẽ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và trồng cây khu vực đã khai thác cho năm thứ 1.

- Vào năm kết thúc khai thác (năm thứ 5) sẽ tiến hành san gạt mặt bằng còn lại, tháo dỡ các công trình không còn sử dụng, trồng cây và đóng cửa mỏ.

8.3. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Công ty đã xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý bảo vệ môi trường theo nội dung đã cam kết tại Báo cáo ĐTM của Dự án được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 17/7/2023.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

Các nội dung điều chỉnh của Dự án sau khi được phê duyệt báo cáo ĐTM như sau:

Bảng 6. Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã phê duyệt

TT	Nội dung	ĐTM phê duyệt	Thay đổi	Ghi chú
I	Quy mô			
1	Diện tích khai thác	3,03 ha	Không thay đổi	
2	Trữ lượng huy động vào khai thác	193.522 m ³	Không thay đổi	
3	Công suất khai thác	40.000 m ³ /năm	Trung bình: 40.000 m ³ /năm, chi tiết theo từng năm như sau:	- Công suất trung bình không thay đổi - Thay đổi kế hoạch khai thác từng năm theo nhu cầu đất san lấp hiện nay
	Năm 2023		15.000 m ³ /năm	
	Năm 2024		110.000 m ³ /năm	
	Năm 2025		40.000 m ³ /năm	
	Năm 2026		10.000 m ³ /năm	
	Năm 2027		10.000 m ³ /năm	
	Năm 2028		8.522 m ³ /năm	
4	Tuổi thọ mỏ	5 năm	5 năm	
II	Công nghệ sản xuất	Không thay đổi		
III	Biện pháp BVMT			
1	Hố lắng nước mưa chảy tràn	02 hố lắng	Không thay đổi	
2	Thu gom thoát nước mưa	Rãnh thoát nước (kích thước 1x2m, sâu 0,5m)	Không thay đổi	
3	Xử lý nước thải sinh hoạt	Bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực văn phòng	Không thay đổi	Đã có Bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực văn phòng
IV	Phương án CTPHMT		Không thay đổi	
1	Diện tích trồng cây	3,03 ha	3,03 ha	Không thay đổi
2	Số lượng biển báo	8 cái	8 cái	
3	Số tiền ký quỹ	208.913.000 đồng	208.913.000 đồng	

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt sử dụng chung với văn phòng công ty đặt tại Nhà riêng của Giám đốc Công ty, nằm ngoài phạm vi dự án nên không đề xuất cấp phép.

- Điểm thoát nước số 1 để thoát nước lưu vực phía Đông đường nội bộ mỏ chỉ để thoát nước đối với phần diện tích chưa khai thác, khi bắt đầu khai thác thì hướng thoát nước về phía Tây nên không đề xuất cấp phép đối với nguồn này.

Do đó, báo cáo đề xuất cấp phép cho 01 nguồn nước thải:

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn qua moong khai thác ở khu vực phía Tây, qua hố lắng số 02.

4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa

Dòng thải số 01: Nước mưa chảy tràn lớn nhất trên moong khai vào năm thứ 2 với diện tích là 17.490m², áp dụng công thức tính theo TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế:

$$Q = q \times C \times F \text{ (4).}$$

Trong đó:

Q - là lượng nước mưa chảy tràn (m³/ngày).

F - là diện tích mặt bằng khu vực tính toán: 17.490 m³.

q - là lượng mưa ngày lớn nhất của khu vực Dự án lấy số liệu lớn nhất ngày 08/10/2020 tại Trạm đo mưa Vĩnh Khê có giá trị 255 mm [Nguồn: Hệ thống Đo mưa chuyên dùng của Vrain.vn].

C - là hệ số dòng chảy, C = 0,34 tương ứng với mặt đất, cỏ, độ dốc 1 - 2%.

⇒ Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua các khu vực là 1.516 m³/ngày.

4.1.3. Dòng nước thải

Tại cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường, cụ thể như sau:

Dòng số 01: Nước mưa chảy tràn qua moong khai thác, được thu gom về hố lắng số 1 sau đó thoát ra môi trường tại điểm số 7 góc phía Na của mỏ và đổ vào khe cạn.

4.1.4. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 7. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm đối với nước mưa chảy tràn

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Giá trị C_{max} , cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$)
1	pH	-	5,5 - 9
2	SS	mg/l	90
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9

Ghi chú:

Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$. Trong đó:

- C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT.

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 trong QCVN 40:2011/BTNMT. Nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của khe tiếp nhận nên áp dụng $K_q=0,9$.

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 trong QCVN 40:2011/BTNMT. Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất: $1.516 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$

4.1.4. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

Nước mưa chảy tràn tại các vị trí thoát ra môi trường

- Vị trí xả nước thải sau hồ lắng số 02, Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1.876.019, Y= 571.136 (theo Hệ tọa độ VN2000, KT trục $106^015'$, múi chiều 3^0)

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt

- Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

- Nguồn tiếp nhận: Khe cạn phía Tây Nam khu mỏ.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hoạt động bốc xúc, san gạt tại mỏ.

- Nguồn số 02: Từ hoạt động vận chuyển trên tuyến đường dân sinh (từ khu mỏ đến đường Hồ Chí Minh).

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa

Không xác định.

4.2.3. Dòng khí thải

Bụi và khí thải phân tán không di chuyển theo dòng.

4.2.4. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm

Chất lượng khí thải của các phương tiện vận chuyển đáp ứng quy chuẩn khí thải của ngành giao thông. Thông số bụi lơ lửng (TSP) phát sinh Cơ sở phải đảm bảo đáp ứng theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: tại khu vực mỏ và trên tuyến đường vận chuyển.
- Tọa độ vị trí xả khí thải: phân tán theo hoạt động của máy móc, thiết bị.
- Phương thức xả khí thải: không liên tục.
- Chế độ xả thải: không liên tục.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn phát sinh: chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào mỏ, hoạt động của các thiết bị, máy móc

4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung trong phạm vi khai thác của Dự án.

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 8. Giá trị theo QCVN đối với tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường
2	55	45	Khu vực đặc biệt

+ Độ rung:

Bảng 9. Giá trị theo QCVN đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường
2	60	55	Khu vực đặc biệt

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Tại Khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

5.2.2.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + 01 vị trí trong khu vực dự án (khu vực đang khai thác).
- + 01 vị trí tại ngã 3 giao nhau giữa tuyến đường mòn Hồ Chí Minh và tuyến đường vào mỏ.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, độ bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT.
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm, tại thời điểm đang khai thác.

5.2.2.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khe nước cạnh phía Tây dự án.
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Nitrat, Photphat, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 03 lần/năm, tại thời điểm đang khai thác.

5.2.2.3. Giám sát CTR, CTNH

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.
- Vị trí giám sát: tại điểm tập kết CTR khu vực khai thác;

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

- Tần suất giám sát: 03 lần/năm, tại thời điểm đang khai thác.

5.2.2.4. Giám sát an toàn lao động

- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thực hiện của Dự án.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình khai thác.

5.2.2.5. Giám sát sự cố môi trường

Phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống các công trình,... để phát hiện những hư hỏng, sụt lún và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Mục đích: Giám sát quá trình xói lở trong quá trình khai thác.
- Đối tượng giám sát: Mức độ, diễn biến sụt lở.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình khai thác tại khu vực thực hiện của dự án.

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hằng năm dự kiến khoảng 30.000.000 đồng/năm.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chủ dự án xin cam kết:

- Đảm bảo về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Đảm bảo việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chịu trách nhiệm nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực Dự án.
- Thường xuyên nạo vét hố lắng để đảm bảo thời gian lắng bùn tại hố lắng.
- Thường xuyên kiểm tra, thu gom chất thải nguy hại tại Dự án tránh gây ô nhiễm môi trường.
- Thường xuyên chăm sóc, sửa chữa, thay đổi các thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động của Dự án.
- Thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ theo đúng quy định.
- Chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phải xử lý cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.
- Tăng cường phun, tưới ẩm tuyến tuyến đường vận chuyển đảm bảo không phát sinh bụi.
- Thường xuyên quan sát, theo dõi nguy cơ sạt lở khu vực mỏ và khu vực liên quan để có giảm pháp giảm thiểu kịp thời.
- Yêu cầu các lái xe đảm bảo tốc độ cho phép khi qua các khu vực dân cư.
- Chấp hành các yêu cầu của Giấy phép khai thác khoáng sản, Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM và pháp luật liên quan; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình hoạt động của mỏ; phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc bảo trì, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển và dân sinh qua mỏ.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án.
2. Giấy tờ liên quan đến đất.
3. Sơ đồ vị trí dự án, sơ đồ vị lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.
4. Các bản đồ liên quan đối với dự án khai thác khoáng sản.
5. Các hình ảnh hiện trạng công trình bảo vệ môi trường tại dự án.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TẠI CƠ SỞ



Đường vào khu mỏ



Tưới nước trên tuyến đường vận chuyển



Rãnh thoát nước mưa



Hố lắng nước mưa chảy tràn trên công trường



Hiện trạng công trường đang khai thác



Tập kết phong hoá tại bãi thải tạm thời

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3200569631

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 04 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 26 tháng 05 năm 2017

Đăng ký cấp lại lần thứ 1, ngày 09 tháng 07 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUÝ HOÀI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH QUÝ HOÀI

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Rào Trường, Xã Vĩnh Hà, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0949956545

Fax:

Email: *quyhoai.vlqt@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng.

Bảng chữ: Ba tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: CAO VĂN QUÝ

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *07/07/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *197165727*

Ngày cấp: *06/11/2013*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Quảng Trị*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Rào Trường, Xã Vĩnh Hà, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Rào Trường, Xã Vĩnh Hà, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CAO VĂN QUÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 197165727

Ngày cấp: 06/11/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Rào Trường, Xã Vĩnh Hà, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Rào Trường, Xã Vĩnh Hà, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Phương

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 245... quyển số: 07...-SCT/BS

Ngày 13-03-2023

H CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẤN BẾN QUAN



Võ Văn Quyền

Số: 1109/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 31 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: ngày 31. tháng 5. năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Xét văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH MTV Quý Hoài nộp ngày 24/05/2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 184/BC-SKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2023 về Báo cáo thẩm định dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hà 3, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị của Công ty TNHH MTV Quý Hoài,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư

CÔNG TY TNHH MTV QUÝ HOÀI

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200569631, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2013. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/5/2017, đăng ký cấp lại lần thứ 1 ngày 09 tháng 7 năm 2019

Địa chỉ: Thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 0949.956.545

Mã số thuế: 3200569631.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Đại diện: Cao Văn Quý; Giới tính: Nam; Chức danh: Giám đốc công ty.

Ngày sinh: 07/7/1981; Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 197165727; ngày cấp: 06/11/2013; Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện tại: thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị.

Điện thoại: 0949.956.545.

2. Tên dự án: KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP VĨNH HÀ 3, THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ.

3. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành theo VSIC	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Khai thác đất làm vật liệu san lấp công trình	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

4. Quy mô dự án:

- Diện tích: 3,03ha (không có đất mặt nước);
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: 30.300m³;
- Công suất thiết kế: trữ lượng huy động vào khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị cấp 122 = 193.522 m³; đất làm vật liệu san lấp, công suất 40.000 m³/năm.
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến: Xây dựng lán làm việc của công nhân (Diện tích xây dựng: 20 m³).
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: đất làm vật liệu san lấp công trình.

5. Tổng vốn đầu tư: 6.215.429.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm mười lăm triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng), trong đó:

- Vốn của Nhà đầu tư: 1.865.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn, chiếm 30% tổng vốn đầu tư).
- Vốn vay: 4.350.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn chiếm 70% tổng vốn đầu tư).

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Theo thời hạn giấy phép khai thác.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 76, thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

8.1. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH MTV Quý Hoài	1.865.000.000		30	Tiền mặt	Tại thời điểm đề xuất chủ trương đầu tư

- Vốn vay tổ chức tín dụng: Vốn vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Trị (BIDV): 4.350.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng)

8.2. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình đi vào hoạt động hoặc khai thác:

TT	Công việc	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện thủ tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản; xin chấp thuận chủ trương đầu tư và các thủ tục đầu tư xây dựng, môi trường...	8/2022 - 03/2024
1	Hoàn thiện thủ tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng	04/4/2023
2	Xin chấp thuận chủ trương đầu tư	4/2023 - 6/2023
3	Thủ tục pháp lý (Chuyển mục đích sử dụng rừng, xây dựng...)	6/2023 - 03/2024
II	Thời gian xây dựng cơ bản mỏ, đầu tư trang thiết bị	03/2024 - 06/2024
1	Xây dựng cơ bản mỏ	03/2024 - 05/2024
2	Đầu tư máy móc thiết bị	03/2024 - 06/2024
III	Dự án đi vào hoạt động	06/2024

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng:

Dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hà 3, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị của Công ty TNHH MTV Quý Hoài thuộc lĩnh vực khai thác khoáng sản. Theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 15, Khoản 1, Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020, dự án không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH MTV Quý Hoài:

a) Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, địa điểm, quy mô, nội dung đã được điều chỉnh; Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành như: Luật Đầu

tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Xây dựng, Luật Thuế; các văn bản pháp luật khác có liên quan và các ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ngành và địa phương.

b) Công ty chỉ được triển khai dự án sau khi thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thành thủ tục về môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; Lập hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng và lập phương án trồng rừng thay thế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định;

c) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Công ty có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan biết để quản lý và giám sát thực hiện dự án. Phối hợp với chính quyền địa phương công khai cho người dân về các thông tin liên quan đến dự án đối với người dân trong vùng ảnh hưởng nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên; Đặc biệt, xem xét kỹ lưỡng các tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân và có các biện pháp khắc phục triệt để. Thực hiện đúng phạm vi ranh giới như đã kiểm tra, xác nhận.

- Lựa chọn giải pháp công nghệ hiện đại, đầu tư máy móc, dây chuyền tiên tiến vào sản xuất để nâng cao hiệu suất, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh; giảm sức lao động, giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường.

d) Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra, và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không triển khai thực hiện được. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu. Cam kết thực hiện dự án theo tiến độ và sử dụng đất đúng mục đích.

e) Nếu dự án vi phạm quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét chấm dứt dự án theo đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết sau khi được điều chỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu UBND tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

c) Kiến nghị UBND tỉnh xem xét chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 nếu dự án vi phạm các quy định theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện dự án và báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giám sát, quản lý, hướng dẫn Công ty thực hiện các quy định về đất đai, môi trường, tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, môi trường của Công ty;

b) Phối hợp cung cấp thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư các nội dung liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, quản lý việc sử dụng đất để thực hiện dự án của nhà đầu tư;

c) Kịp thời thông tin cho các cơ quan liên quan, báo cáo UBND tỉnh xử lý trong trường hợp việc thi công, vận hành của dự án ảnh hưởng đến môi trường, sinh kế của người dân trong khu vực dự án.

4. UBND huyện Vĩnh Linh: Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, quản lý, nắm bắt tình hình và đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng địa điểm, diện tích, mục tiêu và tiến độ đã cam kết. Kịp thời thông tin cho các cơ quan liên quan và báo cáo UBND tỉnh khi việc thực hiện dự án của nhà đầu tư gây ảnh hưởng đến môi trường, sinh kế và đời sống của người dân.

5. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công quản lý, có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đầu tư đối với dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH MTV Quý Hoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp một bản cho Công ty TNHH MTV Quý Hoài, lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư một bản và một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2, 3 Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Lưu: VT, KT_{Tuần}.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Số: **630** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **04** tháng **4** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”
(Trữ lượng tính đến tháng 01 năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH MTV Quý Hoài thăm dò mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng thẩm định, đánh giá báo cáo kết quả thăm dò mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị ngày 17/3/2023;

Xét Hồ sơ và Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 31/01/2023 của Công ty TNHH MTV Quý Hoài; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1025/TTr-STNMT ngày 30/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”, với các nội dung chính sau:

1. Tổng diện tích thăm dò: 3,03 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo:

- Tổng trữ lượng khoáng sản cấp 122 là 219.069 m³ đất làm vật liệu san lấp.
- Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp theo các khối trữ lượng được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo.

3. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác cấp 122 là 193.522 m³ đất làm vật liệu san lấp.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh; Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hà và Giám đốc Công ty TNHH MTV Quý Hoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chi cục Khoáng sản miền Trung;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT_{Tuần}. *tc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

**PHỤ LỤC SỐ 01: TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT
TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP VĨNH HÀ 3
THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**
(Kèm theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023
của UBND tỉnh Quảng Trị)



Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 106°15' múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

**PHỤ LỤC SỐ 02: THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT
LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP VĨNH HÀ 3 THUỘC XÃ VĨNH HÀ,
HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

TT	Tên khối - Cấp trữ lượng	Diện tích khối trữ lượng (m ²)	Chiều dày trung bình khối trữ lượng (m)	Hệ số thu hồi (%)	Trữ lượng cấp 122 (m ³)
1	1 - 122	30.300	7,23	100	219.069
Cộng cấp 122					219.069

Số: **1475**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **13** tháng **7** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3,
thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2368/TB-HĐTĐ ngày 27/6/2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 11/ĐTM-QH ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH MTV Quý Hoài;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2569/TTr-STNMT ngày 12/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Quý Hoài (sau đây gọi là Chủ Dự án) có vị trí tại xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hà và Giám đốc Công ty TNHH MTV Quý Hoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Trang TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *hc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

**“Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3,
thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”**

(Kèm theo Quyết định số **1475** /QĐ-UBND ngày **13** tháng **7** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH MTV Quý Hoài.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi: Khu vực khai thác có diện tích sử dụng đất là 3,03 ha nằm trên vùng gò, đồi thuộc địa bàn xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Vị trí đã được Quy hoạch mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030, được phê duyệt tại Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Bảng 1.1. Thống kê tọa độ khu vực Dự án

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

- Trữ lượng: Tổng trữ lượng cấp 122 là 219.069 m³.

- Trữ lượng huy động đưa vào khai thác là 193.522 m³.

- Công suất khai thác: 40.000 m³/năm.

- Thời gian hoạt động: 6/2024 đến tháng 6/2029.

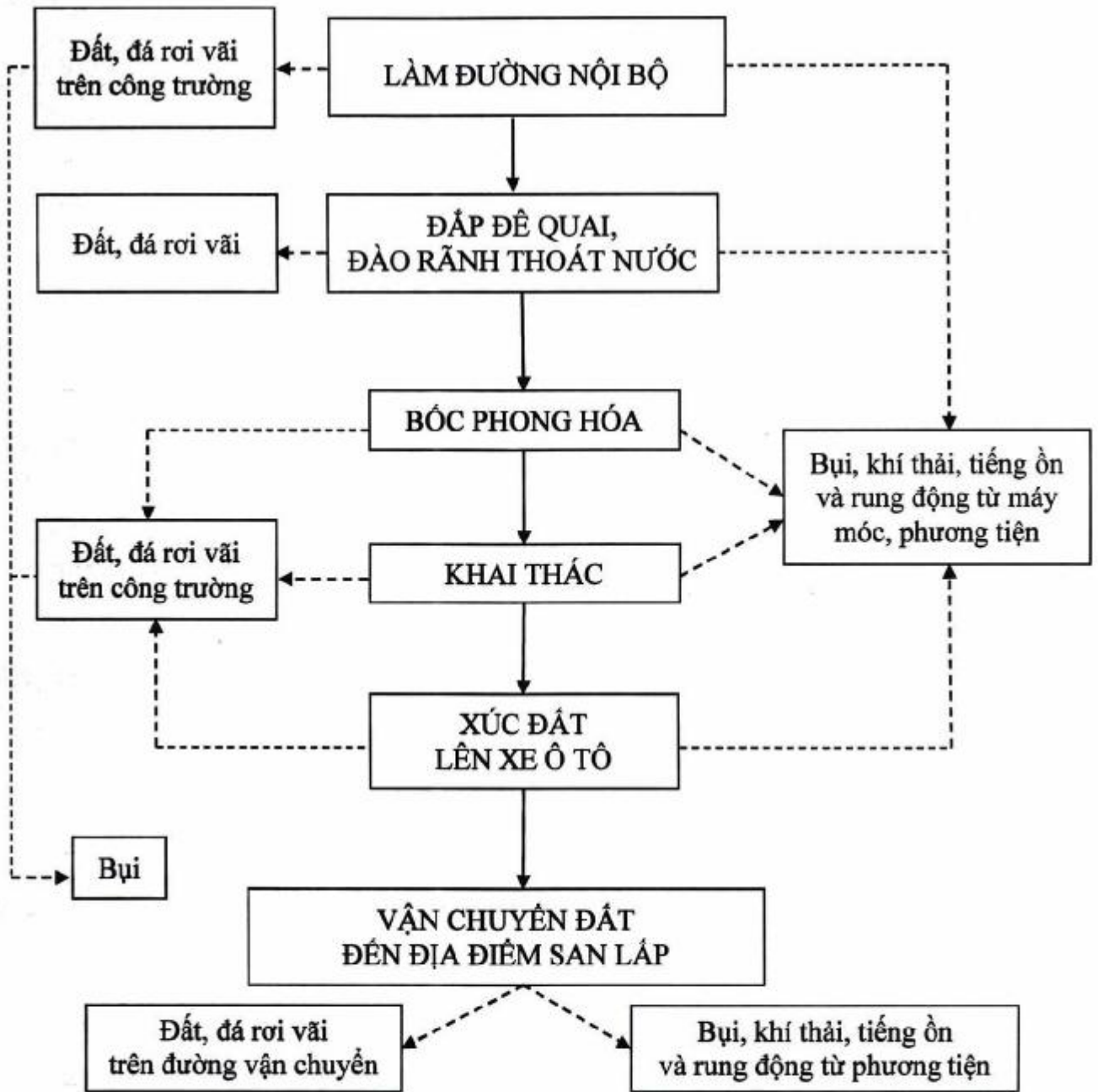
Bảng 1.2. Phân khai thời gian khai thác mỏ đất Vĩnh Hà 3

TT	Thời gian khai thác	Diện tích (ha)	Khối lượng (m³)
1	Năm 1	0,51	32.573
2	Năm 2	0,7	44.708
3	Năm 3	0,61	38.960
4	Năm 4	0,78	49.818
5	Năm 5	0,43	27.464
	Tổng cộng	3,03	193.522

1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

Dự án mở đường vào khu mỏ → bóc tầng phủ, lớp phủ thực bì được gom tại bãi thải tạm trong khu vực mỏ, sử dụng để hoàn thổ, trồng cây vào năm khai thác sau → Dùng máy xúc đào, bốc vật liệu san lấp lên xe vận tải; chiều sâu tầng khai thác từ 7,1-7,3m, khai thác lộ thiên bằng phương pháp cắt tầng dạng bậc thang từ trên xuống. Chiều cao của tầng khai thác từ 3-4m, chiều rộng của các đường bậc thang (đường kháng chân tầng) khoảng 2m; khai thác triệt để từng tầng một từ trên xuống hết tầng sản phẩm và chỉ khai thác đến cos +40m → Xe tải vận chuyển đất san lấp đến đến công trình có nhu cầu san lấp.

*** Sơ đồ quy trình:**



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình khai thác

Bảng 1.3. Các thông số khai thác mỏ đất Vĩnh Hà 3

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H	m	7,1 - 7,3
2	Chiều cao tầng kết thúc	H_{kt}	m	7,1 - 7,3
3	Chiều rộng mặt tầng công tác	B_{min}	m	23,3
4	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α_k	độ	35,0
5	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	α_{kt}	độ	35,0

6	Chiều rộng mặt tầng khai thác	B_{kt}	m	02
7	Chiều dài luồng xúc	L_x	m	6,5
8	Góc nghiêng bề mặt khi kết thúc	G_{kt}	độ	35,0
9	Khoảng cách an toàn mép ngoài tầng	C	m	2,5 - 3
10	Số gương khai thác đồng thời	N		01- 02
11	Chiều rộng khoảnh khai thác	A	m	15 - 17
12	Chiều dài tuyến khai thác	L_{ct}	m	20 - 30
13	Góc nghiêng mặt tầng khai thác	b	độ	0

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

Bảng 1.5. Quy mô các hạng mục công trình dự án

TT	Hạng mục công trình	Quy mô	Ghi chú
1	Khu vực khai thác mỏ	3,03 ha	
2	Bãi tập kết máy móc, thiết bị	50 m ²	Nằm trong phạm vi mỏ
3	Lán trại tạm cho côn nhân	20 m ²	Nằm trong phạm vi mỏ

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a. Tuyến đường thi công vận chuyển nội bộ mỏ

Hiện trạng trong khu vực mỏ có 01 tuyến đường đất đỏ dân sinh chạy xung quanh khu vực mỏ của chủ đất nhằm phục vụ cho quá trình trồng, chăm sóc và khai thác rừng trong phạm vi mỏ với chất lượng tốt. Sau khi hoàn thành các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, Chủ dự án sẽ sử dụng tuyến đường này để phục vụ thi công, vận chuyển nội bộ mỏ nên không ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh tại khu vực có liên quan đến tuyến đường nói trên. Chủ dự án cam kết chi cải tạo, nâng cấp, không gây ảnh hưởng đến việc đi lại sản xuất của người dân khi cần thiết.

b. Tuyến đường vận chuyển đất san lấp

Tuyến đường giao thông kết nối khu vực Dự án đến tuyến đường Hồ Chí Minh: Dự án → Tuyến đường đất cấp phối đôi → Tuyến đường nhựa → đường Hồ Chí Minh → các khu vực san lấp công trình.

Các tuyến đường có thể chịu được xe có tải trọng 15 tấn. Trong quá trình hoạt động có hư hỏng thì chủ dự án sẽ tiến hành duy tu, sửa chữa tần suất tối thiểu 1 lần/năm. Đây sẽ là tuyến đường vận chuyển chính của khu vực Dự án.

1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn

- Khu vực mỏ chưa khai thác là khu vực có cos cao hơn địa hình, khe cạn xung quanh nên nước mưa trong khu vực mỏ sẽ tự chảy theo hướng địa hình về phía Tây Nam, tại đây có hẻm cạn dẫn nước xuống khe Rào Trường.

- Moong khai thác: Nước chảy tràn trên các mặt tầng được thu gom bằng các rãnh (kích thước 1x2m, sâu 0,5m) đặt ở chân tầng về khu vực hồ lắng nước nhờ độ nghiêng mặt tầng. Đáy moong cao hơn địa hình xung quanh, nên thoát nước moong bằng phương pháp tự chảy. Phương án thu gom, thoát nước tại mỏ là: thu gom nước mưa rơi trong diện tích moong về hồ lắng để lắng bụi, đất mà nước mưa mang theo trước khi thoát ra khe cạn trong khu vực.

Trên diện tích khai thác 3,03 ha, bố trí 1 hồ lắng trên phần diện tích thấp của moong khai thác gần vị trí điểm góc số 7. Kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 20m x 15m x 1m.

Điểm thoát nước chính của dự án được thể hiện chi tiết tại bản đồ kết thúc khai thác và cải tạo phục hồi môi trường. Cụ thể như sau: Nằm ở phía Nam của mỏ, tại mốc toạ độ số 7 (X=1.876.019, Y= 571.136). Điểm thoát nước có cos hiện trạng là 42,52 so và cos khu vực kết thúc khai thác thoát nước ra điểm này khoảng từ 43,33 - 60,81;

- Đào mương thoát nước theo hướng nghiêng địa hình từ moong khai thác đến vị trí khe suối hiện trạng gần nhất của từng năm khai thác với kích thước BxH = 1m x 2m về khu vực thấp đã được đắp đê quai trước khi khai thác để giảm tốc độ dòng chảy và lắng sơ bộ.

- Tại khu vực lán trại, bố trí rãnh thoát nước mưa dài khoảng 150m, rộng 0,5m, sâu 0,7 m và đổ về hồ gom có kích thước (2x1,5x1,5)m để làm lắng trước khi thoát ra khe cạn trong khu vực.

b. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Thuê nhà dân có bể tự hoại 3 ngăn gần khu vực dự án để sinh hoạt.

c. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

Phun ẩm trong những ngày nắng nóng với tần suất tưới 02-04 lần/ngày trên tuyến đường vận chuyển đoạn từ Ngã Tư Khe Cau Vĩnh Sơn vào khu vực Dự án. Lượng nước tiêu thụ khoảng 5 m³/ngày.

d. Chất thải rắn sinh hoạt, CTNH và đất phủ

- Lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 01 thùng đựng rác sinh hoạt loại 60L tại khu vực lán trại. Hướng dẫn và yêu cầu công nhân thực hiện việc phân loại rác tại nguồn.

- Lưu giữ CTNH: Trang bị 01 thùng rác loại 60L để thu gom và lưu trữ CTNH phát sinh.

- Lưu giữ đất phù: Theo phương án khai thác thì lượng đất này được san gạt đưa về bãi thải tạm trong khu vực dự án, sau khi khai thác xong hằng năm sẽ san gạt để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác. Bãi thải có diện tích trung bình 0,05 - 0,1 ha/năm tùy theo năm khai thác được bố trí ở khu vực có địa hình cao thuộc phạm vi của năm khai thác tiếp theo của khu mỏ, đảm bảo cách xa các khe suối để và có đê quai để hạn chế sạt lở, ô nhiễm nguồn nước mặt.

e. Cây xanh

- Trồng lại toàn bộ diện tích cây xanh (keo lai) trên toàn bộ khai trường 3,03 ha.

* Phương án cải tạo phục hồi môi trường:

Bảng 1.6. Tổng hợp các công trình CTPHMT, khối lượng công việc thực hiện trong quá trình CTPHMT

TT	Tên công trình	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	
I	Công tác san gạt mặt bằng và trồng cây				
1	San gạt diện tích đã khai thác (chiều sâu san gạt 0,2m)	San gạt diện tích đã khai thác: San gạt lán trại	6.060 m ³	San gạt sau từng năm khai thác	Khoảng 2 tuần
				Hai tháng đầu năm thứ 6, sau khi tháo dỡ lán trại, tiến hành san gạt	Khoảng 1 ngày
2	Trồng cây, chăm sóc cây khu vực khai thác	8.666 cây	<ul style="list-style-type: none"> - Sau năm khai thác thứ 01, tiến hành san gạt, trồng và chăm sóc cây phần diện tích đã khai thác; - Các năm thứ 2, 3, 4,5 tiếp tục san gạt, trồng và chăm sóc cây. - Hai tháng đầu năm thứ 6: san gạt diện tích đất còn lại, trồng và chăm sóc cây đến hết thời hạn giao đất. - Hai tháng đầu năm thứ 6: Tổ chức nghiệm thu, giám định công tác cải tạo phục hồi môi trường. Chủ dự án tiếp tục trồng và chăm sóc cây đến hết thời hạn giao đất. 	Khoảng 1 tháng	
II	Tháo dỡ, thu dọn khu vực lán trại tạm công nhân				

1	Tháo dỡ mái tôn	24 m ²	Hai tháng đầu năm thứ 6, sau khi kết thúc khai thác	Khoảng 2 ngày
2	Tháo dỡ khung công trình bằng gỗ	2 m ³		

+ Tổng số tiền ký quỹ: 208.913.000 đồng.

+ Phương thức ký quỹ Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn dưới 10 năm: mức ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ. Như vậy, số tiền Chủ dự án phải ký quỹ lần đầu là:

Như vậy, số tiền Chủ dự án phải ký quỹ lần đầu là:

$$208.913.000 \text{ đồng} \times 25\% = 52.228.250 \text{ đồng}$$

Số tiền ký quỹ còn lại những lần sau (4 năm còn lại), Chủ dự án sẽ ký quỹ là:

$$(208.913.000 - 52.228.250)/4 = 39.171.188 \text{ đồng/năm}$$

Sau khi kết thúc khai thác và thực hiện đầy đủ công tác CTPHMT, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, Công ty sẽ được nhận lại số tiền này theo quy định.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Theo khoản 4, 5, Điều 37 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, đối với Dự án có Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 03 (ba) năm trở lên thì được phép ký quỹ nhiều lần.

+ Theo khoản 6, Điều 37 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, đối với Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản mới thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Trường hợp ký quỹ nhiều lần, việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Tại Quỹ Bảo vệ môi trường Quảng Trị.

1.4.3 Các hoạt động của Dự án

Các hoạt động của Dự án bao gồm 03 giai đoạn thi công xây dựng, vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Giải phóng mặt bằng tuyến, cắm mốc định vị dự án bằng cọc bê tông, tạo biên vùng khai thác theo thiết kế từng năm đối với các khu vực xung quanh, cải tạo tuyến đường vào mỏ, xây dựng công trình nhà văn phòng.

- Giai đoạn vận hành: Khai thác, bóc xúc, vận chuyển đất đến địa điểm san lấp.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:

+ Đối với moong khai thác: Cải tạo khu vực moong khai thác từng năm bằng cách san gạt và trồng cây khi kết thúc khai thác.

+ Cải tạo mặt bằng khu vực phụ trợ phục vụ khai thác: Kết thúc năm khai thác thứ 5, hai tháng đầu năm thứ 6 sẽ tháo dỡ công trình nhà tạm công nhân không còn nhu cầu sử dụng, san gạt trả lại mặt bằng; thu dọn xe máy, thiết bị và trồng cây trên diện tích đất còn lại (đóng cửa mỏ).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường như: nằm trong khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

(Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1)

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

(Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

(Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1)

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

* *Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng của Dự án:* Chủ Dự án sẽ thành lập một đơn vị gồm 07 người, trong đó bộ phận gián tiếp gồm 03 người có nhiệm vụ quản lý thi công trong công trường (Giám đốc điều hành mỏ, kế toán, thủ quỹ), đồng thời hướng dẫn, nhắc nhở thực hiện các nội quy, quy định về bảo vệ môi trường cho toàn bộ công nhân (04 người, trong đó có 02 người điều khiển máy xúc và 02 người lái ô tô).

* *Giai đoạn đi vào hoạt động của Dự án:* Chủ dự án sẽ cải tạo PHMT theo thiết kế đối với diện tích đã khai thác hàng năm để tiếp tục trồng rừng như hiện tại

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Bảng 5.1. Tổng hợp chương trình quản lý môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án/nguồn phát sinh	Tính chất	Quy mô (turu lượng tối đa, khối lượng)	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Giai đoạn chuẩn bị, thiết kế mô	-Giải phóng mặt bằng; - Hoạt động làm đường nội bộ, đào rãnh thoát nước.	Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình làm đường nội bộ, đào rãnh thoát nước, bóc phong hóa. Cháy nổ do bom mìn còn sót lại trong chiến tranh	Phát tán -	- Bố trí máy móc hoạt động hợp lý. - Phun nước giảm bụi. - Phối hợp với Ban chỉ huy quân Tỉnh để tổ chức rà phá bom mìn trước khi san gạt mặt bằng.	Trong suốt quá trình chuẩn bị
Giai đoạn hoạt động	Đào, xúc và vận chuyển đất	Bụi, khí thải và tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công	Phát tán	- Phun nước thường xuyên ở những nơi phát sinh nhiều bụi. - Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ. - Các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ và không chở quá tải. - Phun âm trong những ngày nắng nóng với tần suất tưới 02-04 lần/ngày trên tuyến đường vận chuyển đoạn từ Ngã Tư Khe Cau Vĩnh Sơn vào khu vực Dự án. Lượng nước tiêu thụ khoảng 5 m ³ /ngày. - Khu vực mỏ chưa khai thác là khu vực có cos cao hơn địa hình, khe cạn xung quanh nên nước mưa trong khu vực mỏ sẽ tự chảy theo hướng địa hình về phía Tây Nam, tại đây có hẻm cạn dẫn nước xuống khe Rào Trường.	Trong suốt quá trình thi công

- Moong khai thác: Nước chảy tràn trên các mặt tầng được thu gom bằng các rãnh (kích thước 1x2m, sâu 0,5m) đặt ở chân tầng về khu vực hố lắng nước nhờ độ nghiêng mặt tầng. Đây moong cao hơn địa hình xung quanh, nên thoát nước moong bằng phương pháp tự chảy. Phương án thu gom, thoát nước tại mỏ là: thu gom nước mưa rơi trong diện tích moong về hố lắng để lắng bụi, đất mà nước mưa mang theo trước khi thoát ra khe cạn trong khu vực.
- + Trên diện tích khai thác 3,03 ha, bố trí 1 hố lắng trên phần diện tích thấp của moong khai thác gần vị trí điểm góc số 7. Kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 20m x 15m x 1m. Vì vào những ngày mưa lớn, mỏ ngừng hoạt động khai thác nên lượng chất rắn cuốn theo rất hạn chế.
- + Điểm thoát nước chính của dự án được thể hiện chi tiết tại bản đồ kết thúc khai thác và cải tạo phục hồi môi trường. Cụ thể như sau: Nằm ở phía Nam của mỏ, tại mốc toạ độ số 7 (X=1.876.019, Y= 571.136). Điểm thoát nước có cos hiện trạng là 42,52 so và cos khu vực kết thúc khai thác thoát nước ra điểm này khoảng từ 43,33 - 60,81.
- Đào mương thoát nước theo hướng nghiêng địa hình từ moong khai thác đến vị trí khe suối hiện trạng gần nhất của từng năm khai thác với kích thước BxH = 1m x 2m về khu vực thấp đã được đắp để quai trước khi khai thác để giảm tốc độ dòng chảy và lắng sơ bộ.

				<p>- Tại khu vực lán trại, bố trí rãnh thoát nước mưa dài khoảng 150m, rộng 0,5m, sâu 0,7 m và đổ về hố gom có kích thước (2×1,5×1,5)m để làm lắng trước khi thoát ra khe cạn trong khu vực.</p>
Hoạt động của CBCNV	Nước thải sinh hoạt	0,7 m ³ /ngày		<p>- Thuê nhà dân có bể tự hoại 3 ngăn gần khu vực dự án để sinh hoạt.</p> <p>- Rác thải sinh hoạt: thu gom bỏ vào 01 thùng rác loại 60L bố trí ở lán trại của công nhân.</p> <p>+ Rác thải sẽ thu gom hàng ngày vào thùng rác, hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Vĩnh Linh thu gom, vận chuyển và xử lý với tần suất 02 lần/tuần.</p> <p>+ Hướng dẫn và yêu cầu công nhân thực hiện việc phân loại rác tại nguồn.</p>
Hoạt động của CBCNV Các sự cố môi trường	CTR sinh hoạt, CTNH, đất phủ	3,5 kg/ngày 5 kg/tháng		<p>- CTNH: lưu vào 01 thùng loại 60L ở bãi xe của khu vực thi công.</p> <p>- Đất phủ: Lượng đất này được san gạt đưa về bãi thải tạm trong khu vực dự án, sau khi khai thác xong hàng năm sẽ san gạt để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác. Bãi thải có diện tích trung bình 0,05 - 0,1 ha/năm tùy theo năm khai thác được bố trí ở khu vực có địa hình cao thuộc phạm vi của năm khai thác tiếp theo của khu mỏ, đảm bảo cách xa các khe suối để và có đê quai để hạn chế sạt lở, ô nhiễm nguồn nước mặt.</p>

			<p>Sự cố cháy nổ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các nội quy cho công nhân như không được hút thuốc và vứt tàn thuốc vào những khu vực dễ cháy nổ; - Thực hiện các biện pháp an toàn đối với khu vực chứa nhiên liệu, vật liệu dễ cháy nổ (xăng, dầu...). - Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực. Xây dựng quy định PCCC để CBCNV áp dụng và học tập. - Luôn có các phương tiện chữa cháy tại khu vực làm việc.
<p>Các sự cố môi trường San, gạt cải tạo địa hình</p>		<p>Tai nạn lao động, tai nạn giao thông</p>	<p>-</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ dự án phải làm việc với Sở Giao thông vận tải, Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh để phân chia, cắm biển báo theo đúng quy định, báo cáo tuyến đường xe vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công Dự án đi qua. - Các loại xe tải tham gia vận chuyển đất tận thu phải có giấy đăng kiểm, lái xe phải có bằng lái, không chở quá tải trọng cho phép và chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ. - Có nội quy nghiêm ngặt cấm sử dụng chất kích thích (bia rượu...) trước và trong khi lái xe. - Các xe chở đất san lấp tận thu ra khỏi công trường có khả năng phát sinh bụi phải được che chắn kỹ để tránh ảnh hưởng đến người tham gia giao thông. - Chủ dự án sẽ bố trí thời gian, phân luồng, tuyến hợp lý trong quá trình vận chuyển đất san

				<p>lắp tận thu. Xe vận chuyển đúng tải trọng quy định, không chờ quá tải làm hư hại và rơi vãi trên đường đi, gây tai nạn giao thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không vận chuyển vào các giờ cao điểm như: Giờ bắt đầu đi làm, đi học từ 6h30 - 7h30, giờ tan ca từ 11h00 - 11h30 để tránh ùn tắc giao thông. - Tiến hành thu gom vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển tránh nguy cơ tai nạn giao thông do trượt ngã. Dọn dẹp vệ sinh đường sá sau mỗi ngày thi công và sau khi thi công xong - Tuyên truyền, giáo dục ý thức những người điều khiển phương tiện vận chuyển về an toàn giao thông. - Chủ dự án vận chuyển đất làm hư hỏng, sụt lún các tuyến đường trong khu vực sẽ tiến hành các biện pháp khắc phục, sửa chữa. - Việc vận chuyển được thực hiện đúng theo quy hoạch tuyến vận chuyển được phê duyệt. - Bố trí 02 biển báo giao thông tại hai ngã ba vào khu vực mỏ, các vị trí dễ xảy ra tai nạn. - Đơn vị thi công phải có kế hoạch thi công cụ thể và các phương án kiểm soát khi sự cố xảy ra, không khai thác vào các mùa mưa lũ. - Công trình được thi công gấp rút vào mùa khô. - Kết thúc quá trình khai thác trong năm, tiến hành kiểm tra, gia cố khu vực đảm bảo không bị sụt lở, sụt lún.
		<p>Sự cố lũ quét, sụt lở đất</p>	-	

<p>Cải tạo PHMT</p>	<p>-Giải phóng mặt bằng; - Hoạt động làm đường nội bộ, đào rãnh thoát nước.</p>	<p>Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình san gạt mặt bằng, tháo dỡ công trình phụ.</p>	<p>Phát tán</p>	<p>- Di chuyển các thiết bị, máy móc thi công ra khỏi khu vực khai thác trước mùa mưa bão. - Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Chủ dự án sẽ thành lập Ban phòng chống, ứng phó với mưa lũ nhằm theo dõi và có phương án khắc phục kịp thời. - Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức gia cố các công trình trước mùa mưa lũ và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, giúp người dân nhanh chóng ổn định sản xuất nông nghiệp.</p>	
		<p>Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình làm đường nội bộ, đào rãnh thoát nước, bóc phong hóa.</p>	<p>Phát tán</p>	<p>- Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ. - Các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ và không chờ quá tải.</p>	<p>Trong suốt quá trình thi công</p>
			<p>Phát tán</p>	<p>- Bố trí máy móc hoạt động hợp lý. - Phun nước giảm bụi.</p>	<p>Trong suốt quá trình thi công</p>

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chủ dự án sẽ xây dựng chương trình giám sát chất lượng môi trường và được áp dụng trong suốt quá trình vận hành của Dự án.

5.2.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + 01 vị trí tại trung tâm khu vực dự án;
- + 01 Vị trí tại ngã 3 giao nhau giữa tuyến đường mòn Hồ Chí Minh và tuyến đường vào mỏ.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, độ bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT.
- Tần suất giám sát: 03 lần/năm, chủ yếu tập trung vào mùa khô lúc có hoạt động thi công.

5.2.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khe nước cạnh phía Tây dự án
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước mặt.
- Tần suất giám sát: 03 lần/năm, chủ yếu tập trung vào mùa khô lúc có hoạt động thi công.

5.2.3. Giám sát CTR, CTNH

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.
- Vị trí giám sát: tại điểm tập kết CTR khu vực khai thác;
- Tần suất giám sát: 03 lần/năm, chủ yếu tập trung vào mùa khô lúc có hoạt động thi công.

5.2.4. Giám sát an toàn lao động

- Chi tiêu giám sát: Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thực hiện của Dự án.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình thi công.

5.2.5. Giám sát sự cố môi trường

- Phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống các công trình... để phát hiện những hư hỏng, sụt lún và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Mục đích: Giám sát quá trình xói lở trong quá trình thi công.
- Đối tượng giám sát: Mức độ, diễn biến xói lở thượng, hạ lưu tuyến đập.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình thi công tại khu vực thực hiện của dự án.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan sau:

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản.
- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp 2017.
- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2016/BYT (quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc), QCVN 02:2019/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi nơi làm việc); QCVN 03:2019/BYT (Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc).
- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc).
- Quản lý và kiểm soát nước mặt trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 08 - MT:2015/BTNMT.
- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 40:2011/BTNMT.
- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý CTR, quản lý CTNH; tuân thủ các quy trình về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường.
- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và theo quy định của pháp luật; định kỳ 1 năm/01 lần báo cáo công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Số: **2261** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **04** tháng **10** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3
thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Căn cứ Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030;

Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định quản lý tài nguyên khoáng sản và các hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt trữ lượng đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án “Khai thác đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”;

Căn cứ Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”;

Xét Hồ sơ và Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày 25/7/2023 của Công ty TNHH MTV Quý Hoài; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3629/TTr-STNMT ngày 25/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Quý Hoài được khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3 thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Diện tích khu vực khai thác 3,03 ha được xác định bởi các điểm góc từ 1 đến 10, có toạ độ:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 106 ^o 15' múi chiếu 3 ^o	
	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

- Chiều dày tầng khai thác trung bình: 7,23 m.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 193.522 m³ đất làm vật liệu san lấp.

- Trữ lượng khai thác: 193.522 m³ đất làm vật liệu san lấp.

- Công suất khai thác: 40.000 m³ đất làm vật liệu san lấp/năm.

- Thời gian khai thác: Từ 7 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút hàng ngày.

- Thời hạn khai thác: 05 năm (trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 02 tháng).

Điều 2. Công ty TNHH MTV Quý Hoài có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiến hành hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, công suất, thời gian quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tại thực địa.

4. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng, đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp

phòng chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; nếu phát hiện khoáng sản khác phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

Phải báo cáo đúng sản lượng khai thác khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác khoáng sản, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Lắp đặt bảng thông báo tại phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin giấy phép khai thác đất làm vật liệu san lấp với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác đất làm vật liệu san lấp.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; Báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

10. Cung cấp các hồ sơ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản cho chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp của Công ty TNHH MTV Quý Hoài chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động khai thác; thuê đất trong khai thác khoáng sản; thông báo về giám đốc điều hành mỏ tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hà và Giám đốc Công ty TNHH MTV Quý Hoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chi cục Khoáng sản miền Trung;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT_{Tuấn}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

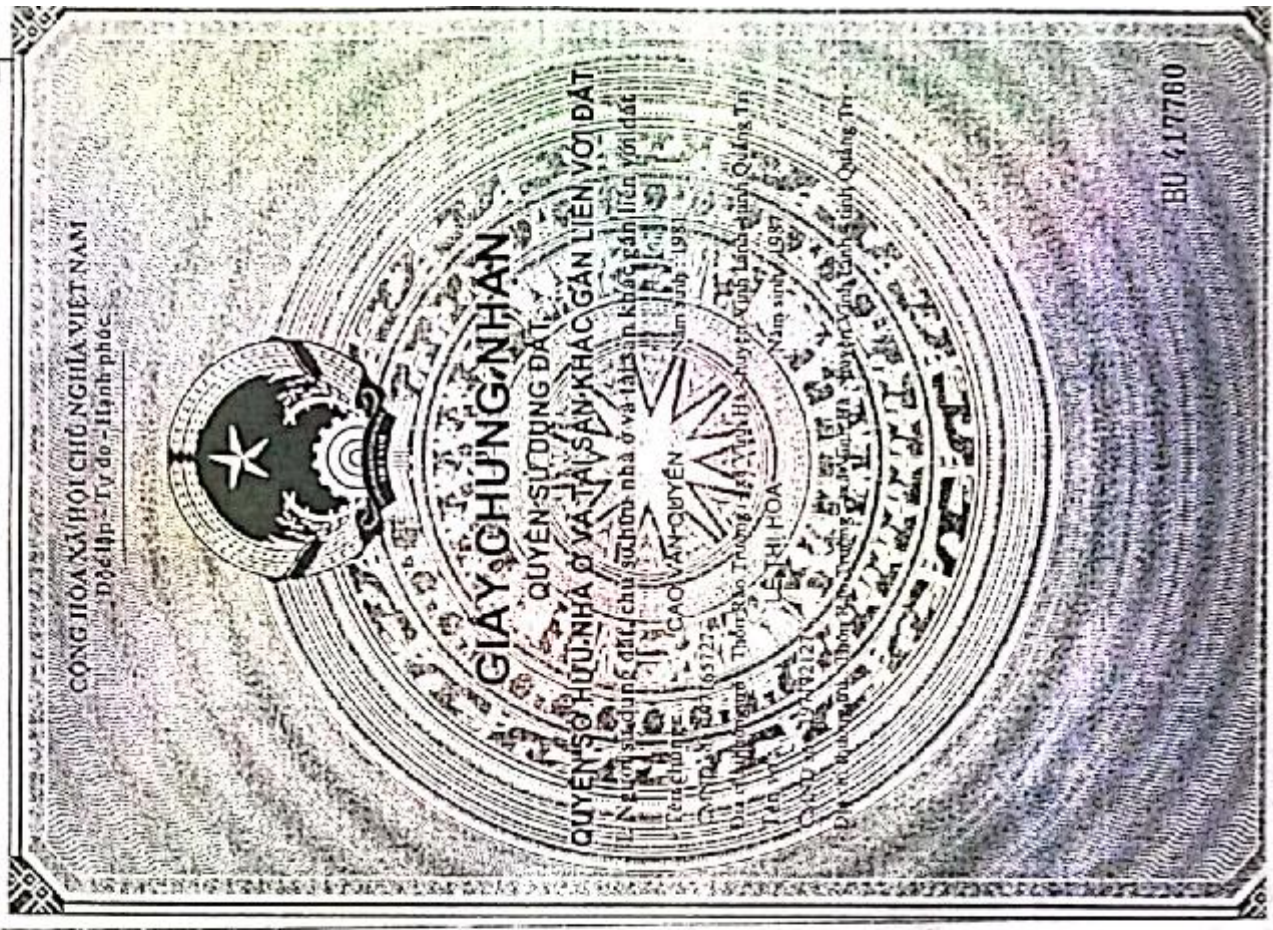
BẢN SAO

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 71 Từ bản đồ số: 68
Số phát hành GCN: BU 417760 Số vào sổ cấp GCN: CT1 002179

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>1. Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh tại Quảng Trị cho Doanh nghiệp Tư nhân Quý Hoài uộc họ sơ số: 3530 ngày 17/12/2014.</p> <p><i>Nguyễn Thanh Hải</i></p>
---	---

Được nhận của cơ quan có thẩm quyền



BU 417760

Trang bổ sung số: 8.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2769** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **20** tháng **11** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, rừng và cho thuê đất
để thực hiện dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3
thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 về việc điều chỉnh Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 16/7/2021, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Linh;

Xét hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng và thuê đất của Công ty TNHH MTV Quý Hoà; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4294/TTr-STNMT ngày 06/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng sang mục đích đất phi nông nghiệp (đất sản xuất vật liệu xây dựng) để thực hiện dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

* *Tên dự án:* Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

* *Chủ đầu tư dự án:* Công ty TNHH MTV Quý Hoài.

* *Vị trí, địa điểm thực hiện dự án:* Tại tiểu khu 572, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

* *Diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:*

Tổng diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng: 2,9849 ha (rừng trồng quy hoạch rừng sản xuất), trong đó:

Phân theo đơn vị hành chính: thuộc địa giới quản lý hành chính xã Vĩnh Hà; phân theo loại rừng (đối tượng quy hoạch): thuộc đối tượng quy hoạch rừng sản xuất; phân theo chủ quản lý: do các hộ gia đình, cá nhân quản lý; phân theo nguồn gốc hình thành: rừng có nguồn gốc là rừng trồng; phân theo điều kiện lập địa: rừng có điều kiện lập địa là rừng gỗ trồng núi đất; phân theo loài cây: rừng trồng cây Keo lai: 2,1050 ha, rừng trồng cây Cao su: 0,8799 ha (đã khai thác).

* *Hiện trạng rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:*

Tổng diện tích rừng trồng trong khu vực thực hiện dự án đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng là 2,9849 ha rừng trồng quy hoạch rừng sản xuất, được trồng bằng nguồn vốn tự có của các hộ gia đình, cá nhân, có các chỉ tiêu lâm học như sau:

+ Rừng trồng năm 2021: Diện tích 2,1050 ha, trồng thuần loài cây Keo lai, mật độ hiện còn 3.000 cây/ha, đường kính gốc ($D_{0,0}$) bình quân 3,2 cm, chiều cao vút ngọn (Hvn) bình quân 2,3 m.

+ Diện tích rừng trồng đã khai thác: 0,8799 ha, được trồng thuần loài cây Cao su, hiện trạng tại hiện trường là đất trống sau khai thác, việc khai thác rừng trồng sản xuất là hoạt động lâm sinh bình thường được pháp luật về lâm nghiệp cho phép, hộ gia đình chưa tổ chức trồng lại rừng.

* *Lý do chuyển mục đích sử dụng:* Chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Cho phép Công ty TNHH MTV Quý Hoài chuyển mục đích sử dụng 30.318 m² đất trong tổng diện tích 31.360 m² đất (thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 147760 và được chuyển mục đích tại Điều 1 Quyết định này), thuộc thửa số 35 - tờ bản đồ địa chính số 76 của xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh từ đất trồng cây lâu năm sang đất sản xuất vật liệu xây dựng. Đồng thời, cho Công ty TNHH MTV Quý Hoài thuê 30.318 m² đất này để thực hiện Dự án Khai thác

mở đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, thuộc xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 04/10/2028 (theo Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh).

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Vị trí, ranh giới thuê đất được xác định theo tờ bản đồ khu đất, tỷ lệ 1/2.000 do Công ty TNHH MTV Tư vấn đo đạc bản đồ Tiến Phát lập ngày 23/10/2023, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 06/11/2023.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc tổ chức bàn giao trên thực địa cho Công ty TNHH MTV Quý Hoài sử dụng;

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Quý Hoài.

2. UBND huyện Vĩnh Linh chỉ đạo theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án của Công ty TNHH MTV Quý Hoài.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyển thông tin sang cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính của Công ty TNHH MTV Quý Hoài và thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

4. Công ty TNHH MTV Quý Hoài phải hoàn thành các thủ tục về môi trường, đầu tư, xây dựng,... theo quy định của pháp luật trước khi triển khai dự án. Quá trình thực hiện dự án phải đảm bảo không ảnh hưởng việc đi lại người dân trong khu vực.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hà, Giám đốc Công ty TNHH MTV Quý Hoài và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KT_{Tuần}. *TC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

Số: 779 /SKH-DN

Quảng Trị, ngày 04 tháng 4 năm 2024

V/v tăng công suất khai thác mỏ đất
làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3,
huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Quý Hoài.

Ngày 27/03/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 01/TTr-QH ngày 27/03/2024 về việc xin tăng công suất khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị của Công ty TNHH MTV Quý Hoài; Theo đó Nhà đầu tư đề xuất điều chỉnh công suất khai thác qua các năm; Căn cứ quy định hiện hành của pháp luật, Sở Kế hoạch và Đầu tư trả lời về đề nghị của Công ty cụ thể như sau:

Dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Hà 3, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 với Công suất thiết kế có trữ lượng khai thác là 193.522m², công suất 40.000m³/năm. Nay Nhà đầu tư đề xuất điều chỉnh công suất khai thác qua các năm để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ lớn tại thời điểm hiện tại; Cụ thể:

- Năm 2023: đã khai thác 15.000m³
- Năm 2024: 110.000m³
- Năm 2025: 40.000m³
- Năm 2026: 10.000m³
- Năm 2027: 10.000m³
- Năm 2028: 8.522m³

(Với tổng trữ lượng khai thác không thay đổi).

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020, “3. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi mục tiêu đã được quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; bổ sung mục tiêu thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư;
- b) Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng trên 10% hoặc trên 30 ha, thay đổi địa điểm đầu tư;
- c) Thay đổi tổng vốn đầu tư từ 20% trở lên làm thay đổi quy mô dự án đầu tư;

d) Kéo dài tiến độ thực hiện dự án đầu tư mà tổng thời gian đầu tư dự án vượt quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu;

đ) Điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

e) Thay đổi công nghệ đã được thẩm định, lấy ý kiến trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư;

g) Thay đổi nhà đầu tư của dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư trước khi dự án khai thác, vận hành hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).”.

Như vậy, việc Công ty TNHH MTV Quý Hoài đề nghị điều chỉnh công suất khai thác mỏ đất qua các năm không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục trình UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

Đề nghị Công ty TNHH MTV Quý Hoài làm việc với Sở Tài nguyên và môi trường để được hướng dẫn điều chỉnh công suất khai thác hàng năm theo quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đề Công ty TNHH MTV Quý Hoài được biết, thực hiện./.

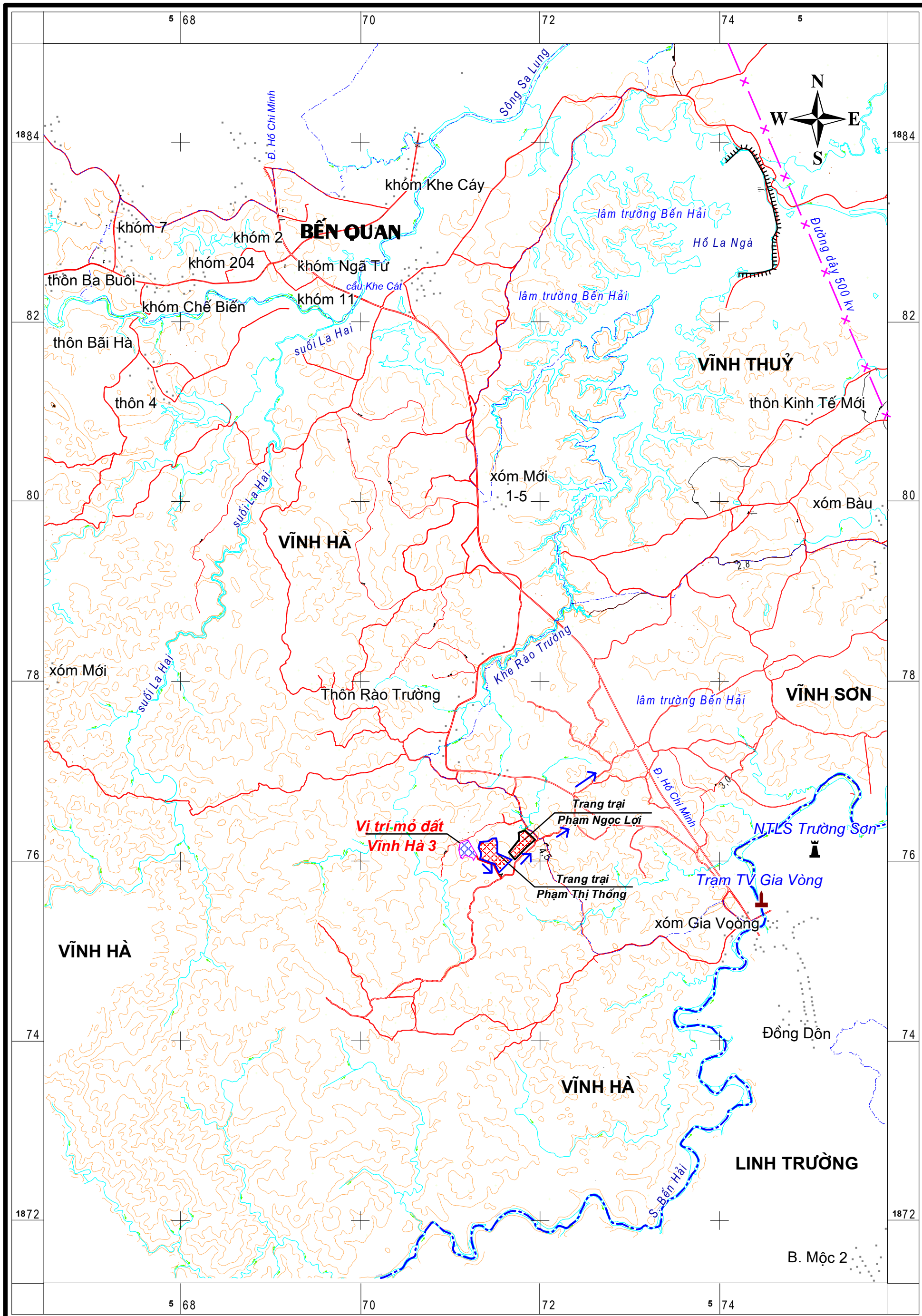
N i nh n:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c)
- Sở TN&MT (p/h);
- UBND huyện Vĩnh Linh (p/h);
- Lưu: VT, DN.



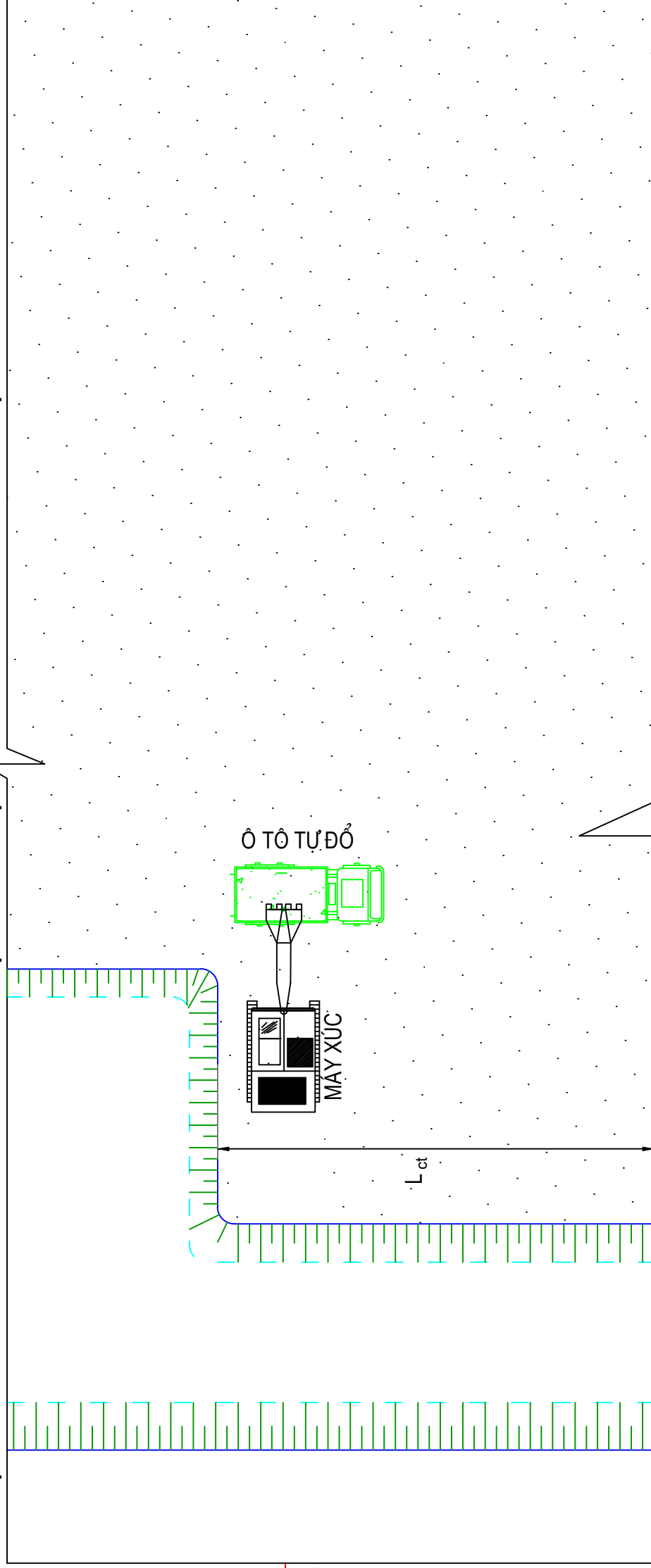
Lê Thị Thương

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỎ ĐẤT VĨNH HÀ 3
THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

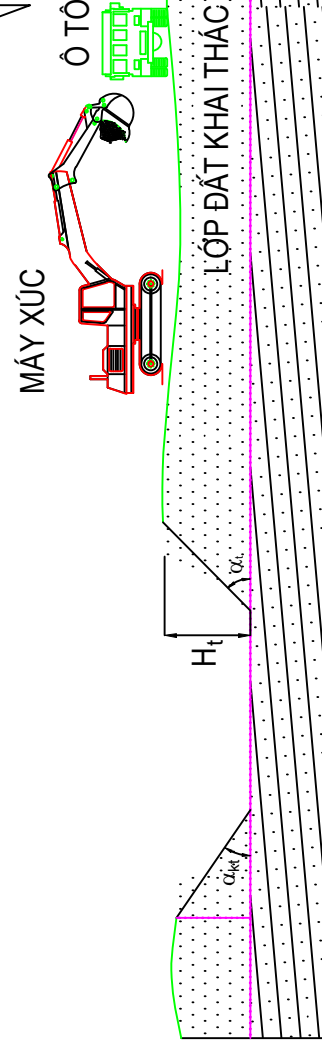


TỶ LỆ 1:50.000

HỆ THỐNG KHAI THÁC LỚP BĂNG VẬN TẢI TRỰC TIẾP BẰNG Ô TÔ KẾT HỢP MÁY XÚC



MẶT CẮT A-A



CÁC THÔNG SỐ CỦA HỆ THỐNG KHAI THÁC

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều dày trung bình theo hướng cắt kéo sỏi	M	m	7,23
2	Chiều cao tầng khai thác	H _t	m	3+4
3	Chiều cao tầng kết Lưới	H _l	m	3+1
4	Chiều rộng đai an toàn	Z	m	2
5	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α	độ	39°
6	Góc nghiêng sườn tầng kết lưới	α_{kt}	độ	39°
7	Góc nghiêng kết tầng đất	α	độ	34°
8	Chiều rộng đai khâu	A	m	8
9	Chiều rộng mặt tầng cấp 2, tác rời thềm	T _{quai}	m	18
10	Chiều dài sườn công tác trên băng	L _{st}	m	50

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT

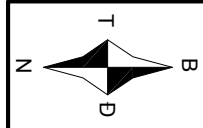
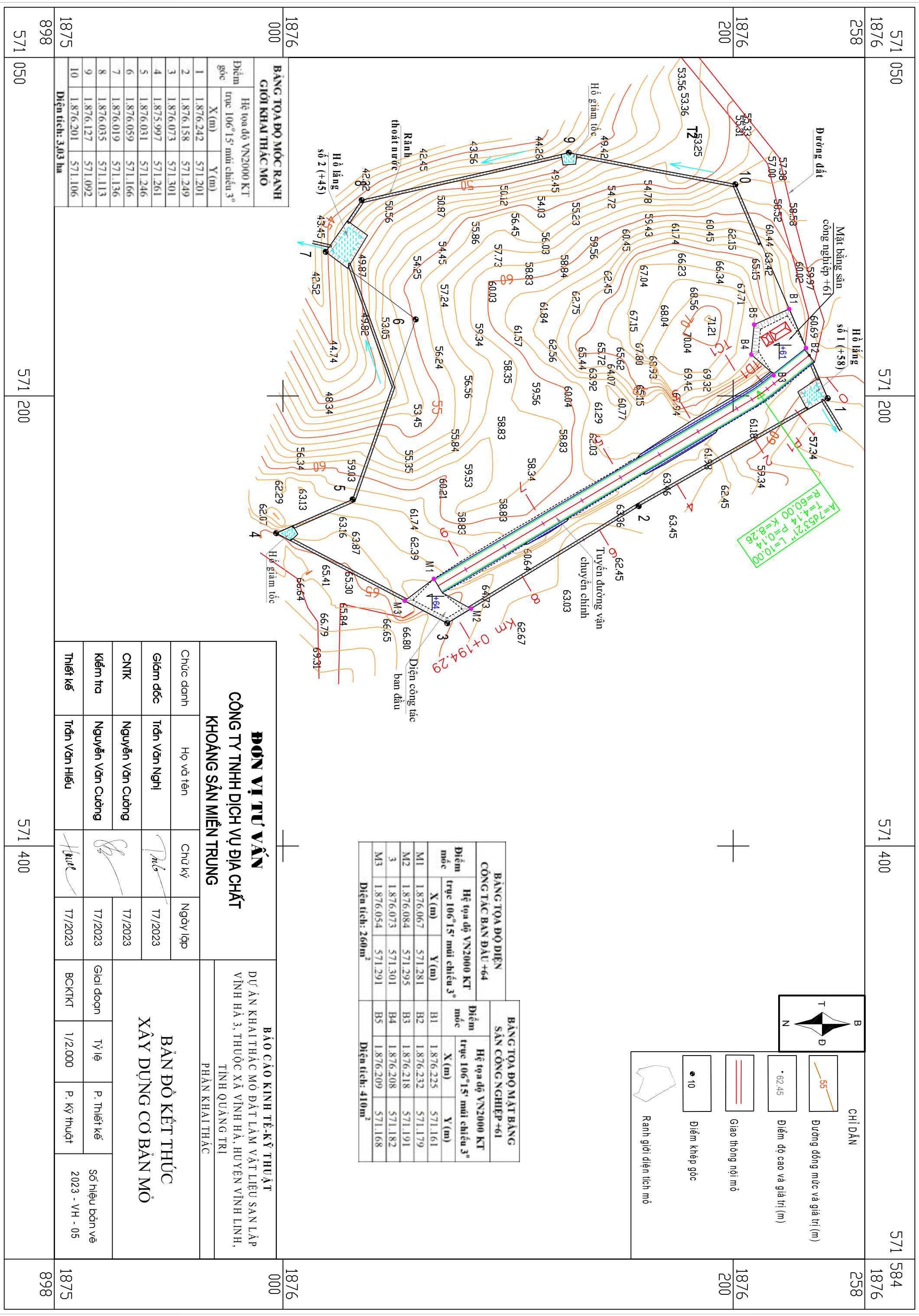
KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Giám đốc	Trần Văn Nghị		T7/2023
CNTK	Nguyễn Văn Cường		T7/2023
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường		T7/2023
Thiết kế	Trần Văn Hiếu		T7/2023

BÁO CÁO KINH TẾ-KỸ THUẬT
DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT LẠM VẬT LIỆU SAN LẤP
VĨNH HÀ 3, THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH,
TỈNH QUẢNG TRỊ
PHẦN KHAI THÁC

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KHAI THÁC

Giai đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
BCKTKT	1/2.000	P. Kỹ thuật	2023 - VH - 11



	CHỈ DẪN
	Dường đong mức và giá trị (m)
	Điểm độ cao và giá trị (m)
	Giao thông nội mô
	Điểm khép góc
	Ranh giới diện tích mô

BẢNG TỌA ĐỘ DIỆN CÔNG TÁC BAN ĐẦU +64				BẢNG TỌA ĐỘ MẶT BẰNG SÀN CÔNG NGHIỆP +61				
Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000 KT		Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000 KT		Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000 KT	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
M1	1.876.067	571.281	B1	1.876.225	571.161	M1	1.876.225	571.161
M2	1.876.084	571.295	B2	1.876.232	571.179	M2	1.876.232	571.179
3	1.876.073	571.301	B3	1.876.218	571.191	3	1.876.218	571.191
M3	1.876.054	571.291	B4	1.876.208	571.182	B4	1.876.208	571.182
			B5	1.876.209	571.168	M3	1.876.209	571.168

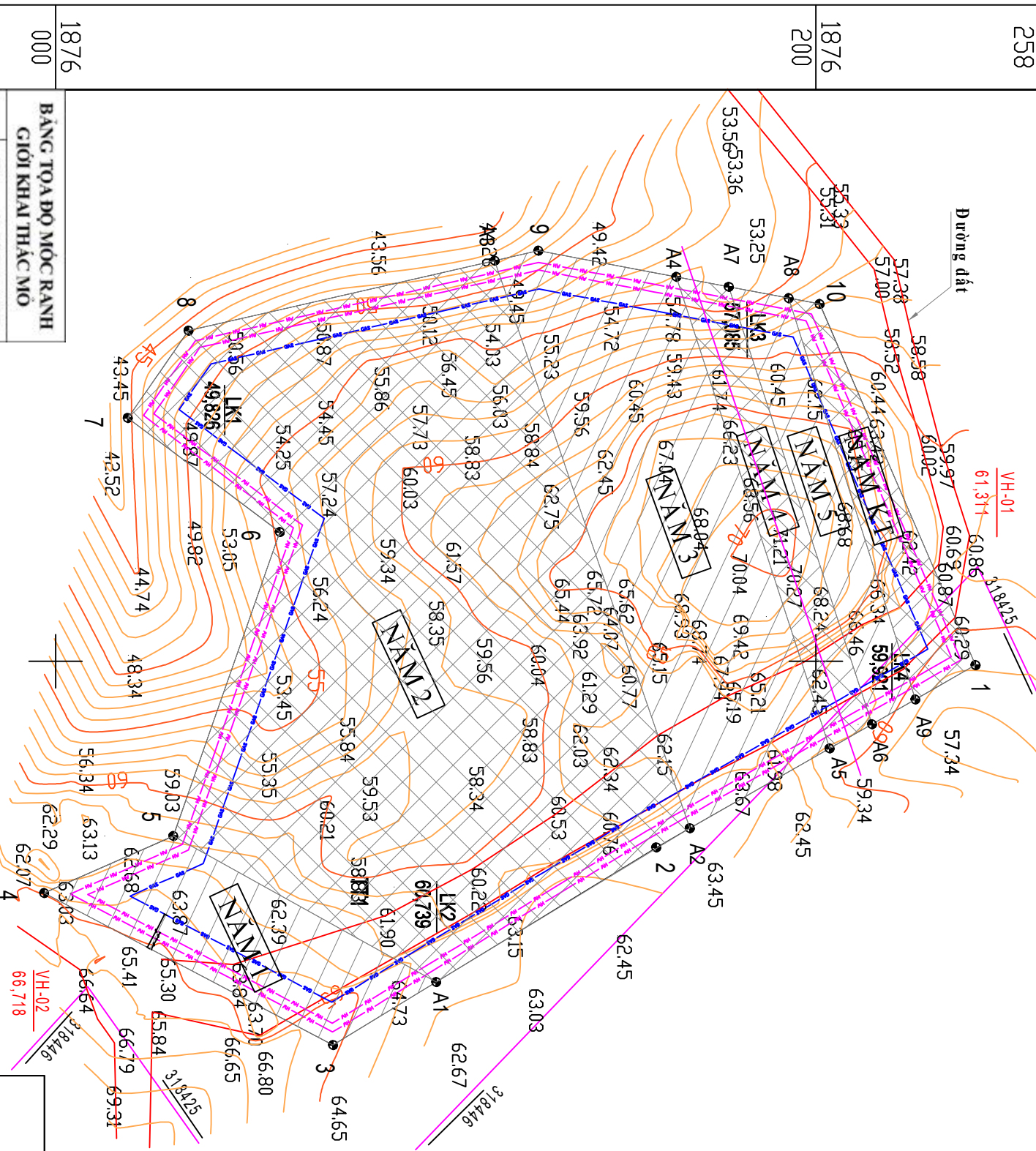
BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KT	
	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

<p align="center">ĐƠN VỊ TƯ VẤN</p> <p align="center">CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT</p> <p align="center">KHOẢNG SÀN MIỀN TRUNG</p>				<p align="center">BẢO CAO KINH TẾ-KỸ THUẬT</p> <p align="center">DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT LẠM VẬT LIỆU SAN LẬP</p> <p align="center">VĨNH HÀ 3, THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH,</p> <p align="center">TỈNH QUẢNG TRỊ</p> <p align="center">PHẦN KHAI THÁC</p>			
				<p align="center">BẢN ĐỒ KẾT THÚC</p> <p align="center">XÂY DỰNG CƠ BẢN MỎ</p>			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập	Giới đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ 2023 - VH - 05
Giám đốc	Trần Văn Nghị		17/2023	BCKTKT	1/2.000	P. Kỹ thuật	
CNTK	Nguyễn Văn Cường		17/2023				
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường		17/2023				
Thiết kế	Trần Văn Hiếu		17/2023				

571 050	571 200	571 400	571 584
1876	1876	1876	1876
258	258	258	258
1875	1875	1875	1875
898	898	898	898
571 050	571 200	571 400	571 584
1876	1876	1876	1876
258	258	258	258
1875	1875	1875	1875
898	898	898	898
571 050	571 200	571 400	571 584

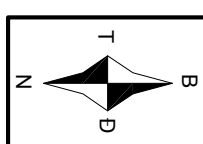
571 050	571 200	571 400	571 584
1876			1876
258			258



BẢNG TỌA ĐỘ ĐIỆN KHAI THÁC TÙNG NĂM

Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũt chiều 3°

Năm khai thác	Điểm góc	X (m)	Y (m)
Năm 1	A1	1.876.100,12	571.284,41
	3	1.876.073,00	571.301,00
	4	1.875.997,00	571.261,00
	5	1.876.031,00	571.246,00
	A1	1.876.100,12	571.284,41
Năm 2	A2	1.876.166,85	571.213,91
	A3	1.876.115,51	571.094,63
	8	1.876.035,00	571.113,00
Năm 3	7	1.876.019,00	571.136,00
	6	1.876.059,00	571.166,00
	5	1.876.031,00	571.216,00
	A2	1.876.166,85	571.243,94
	A3	1.876.115,51	571.094,63
Năm 4	A4	1.876.127,00	571.098,87
	A5	1.876.203,61	571.222,94
	A5	1.876.203,61	571.222,94
	A6	1.876.214,75	571.216,57
	A7	1.876.177,09	571.101,48
Năm 5	A6	1.876.163,31	571.098,87
	A6	1.876.214,75	571.216,57
	A7	1.876.177,09	571.101,48
	A8	1.876.192,88	571.104,47
	A9	1.876.226,16	571.210,07
Năm 6	A8	1.876.192,88	571.104,47
	A9	1.876.226,16	571.210,07
	1	1.876.242,00	571.201,00
	10	1.876.201,00	571.106,00
	10	1.876.201,00	571.106,00



CHỈ DẪN

	Hướng đi đến điểm địa chính cơ sở và số hiệu điểm địa chính cơ sở
	Điểm GPS Độ cao (m)
	Cạnh lưới giải tích 2
	Cạnh khởi tính đo lưới GPS
	Tuyến thăm đo và số hiệu
	Tuyến đo mặt cắt chi tiết địa hình
	Vị trí lỗ khoan độ cao lỗ khoan (m)
	Đường đóng mức và giá trị (m)
	Điểm độ cao và giá trị (m)
	Giao thông nội mô
	Điểm khép góc
	Ranh giới diện tích mô

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT
KHOẢNG SẢN MIỀN TRUNG

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Giám đốc	Trần Văn Nghị		17/2023
CNIK	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Thiết kế	Trần Văn Hiếu		17/2023

BẢN ĐỒ CHIA KHOẢN KHAI THÁC TÙNG NĂM

BẢO CAO KINH TẾ-KỸ THUẬT
DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐÁT LÂM VẬT LIỆU SAN LẬP
VĨNH HÀ 3, THƯỜNG XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH,
TỈNH QUẢNG TRỊ
PHẦN KHAI THÁC

Giới đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
BCKTKT	1/2.000	P. Kỹ thuật	2023 - VH - 05.1

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ

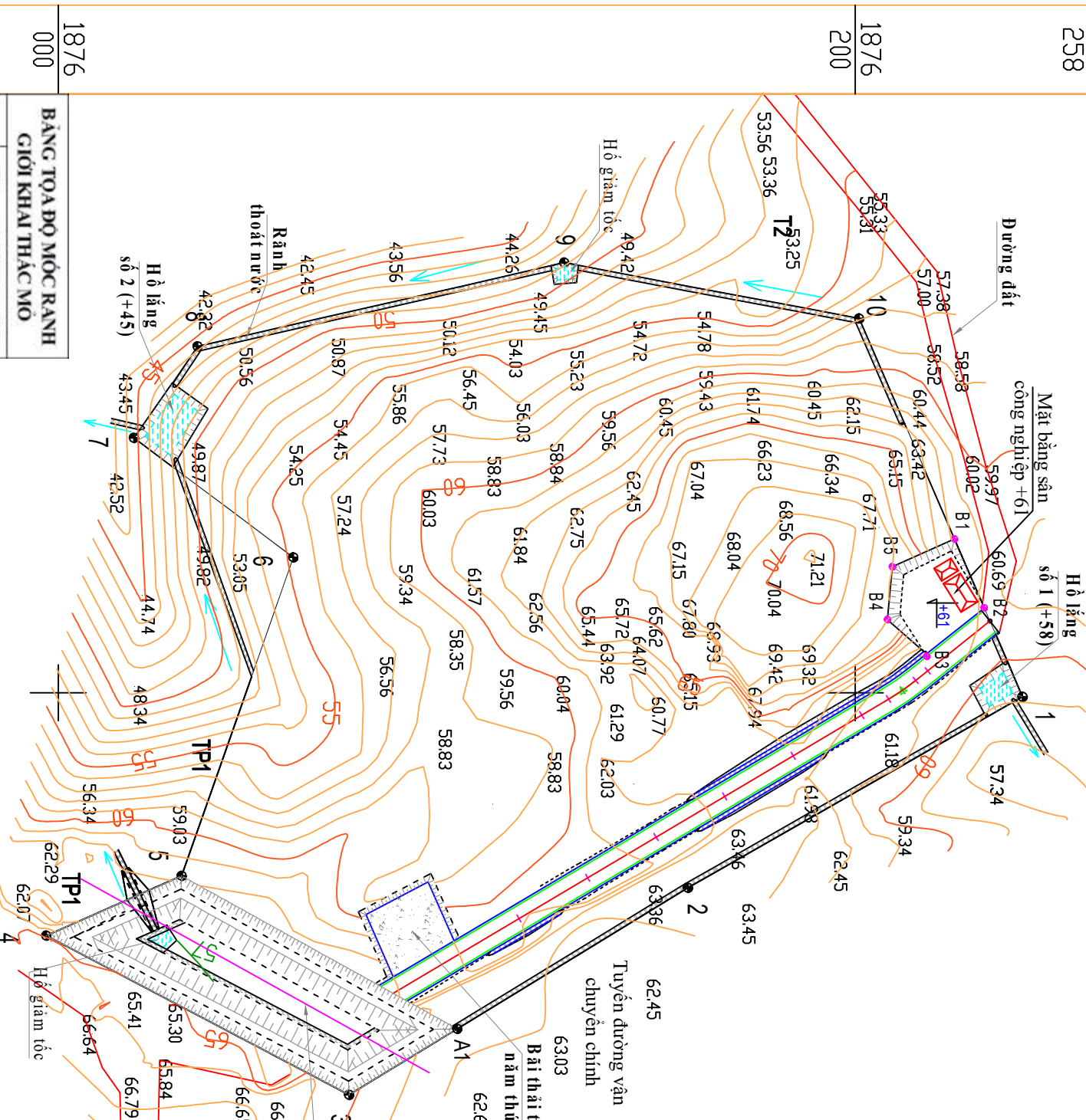
Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũt chiều 3°

Điểm góc	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

Diện tích: 3.03 ha

1876	000	1876	000
1875			1875
898			898
571 050	571 200	571 400	571 584

571 050 571 200 571 400 571 584
1876 1876 1876 1876
258 258



CHỈ DẪN

- 55 Đường đồng mức và giá trị (m)
- 62.45 Điểm độ cao và giá trị (m)
- == Giao thông nội mô
- 10 Điểm khép góc
- Ranh giới diện tích mô

LỊCH KẾ HOẠCH KHAI THÁC

Năm khai thác	Diện tích khai thác (m ²)	Diện tích trung bình khối (m ²)	Chiều dày lớp đất san lấp khai thác (m)	Thể tích khai thác (m ³)
1	K1-122 3344	2.075	7.23	15.000
2	K1-122 17190	15.214	7.23	110.000
3	K1-122 6251	5.533	7.23	40.000
4	K1-122 1563	1.383	7.23	10.000
5	K1-122 1563	1.383	7.23	10.000
6	K1-122 1390	1.179	7.23	8.522
Tổng	30.300	26.767		193.522

BẢO CÁO KINH TẾ-KỸ THUẬT
DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT LẠM VẬT LIỆU SAN LẤP VĨNH HÀ 3, THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ
PHẦN KHAI THÁC

BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM 1

Tỷ lệ: P. Thiết kế
P. Kỹ thuật

Số hiệu bản vẽ: 2023 - VH - 06

Thiết kế: Trần Văn Hiếu

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' múi chiếu 3°		Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106	1.876.201	571.106

Diện tích: 3.03 ha

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT KHOẢNG SÀN MIỀN TRUNG

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Giám đốc	Trần Văn Nghị	<i>[Signature]</i>	17/2023
CNTK	Nguyễn Văn Cường	<i>[Signature]</i>	17/2023
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường	<i>[Signature]</i>	17/2023
Thiết kế	Trần Văn Hiếu	<i>[Signature]</i>	17/2023

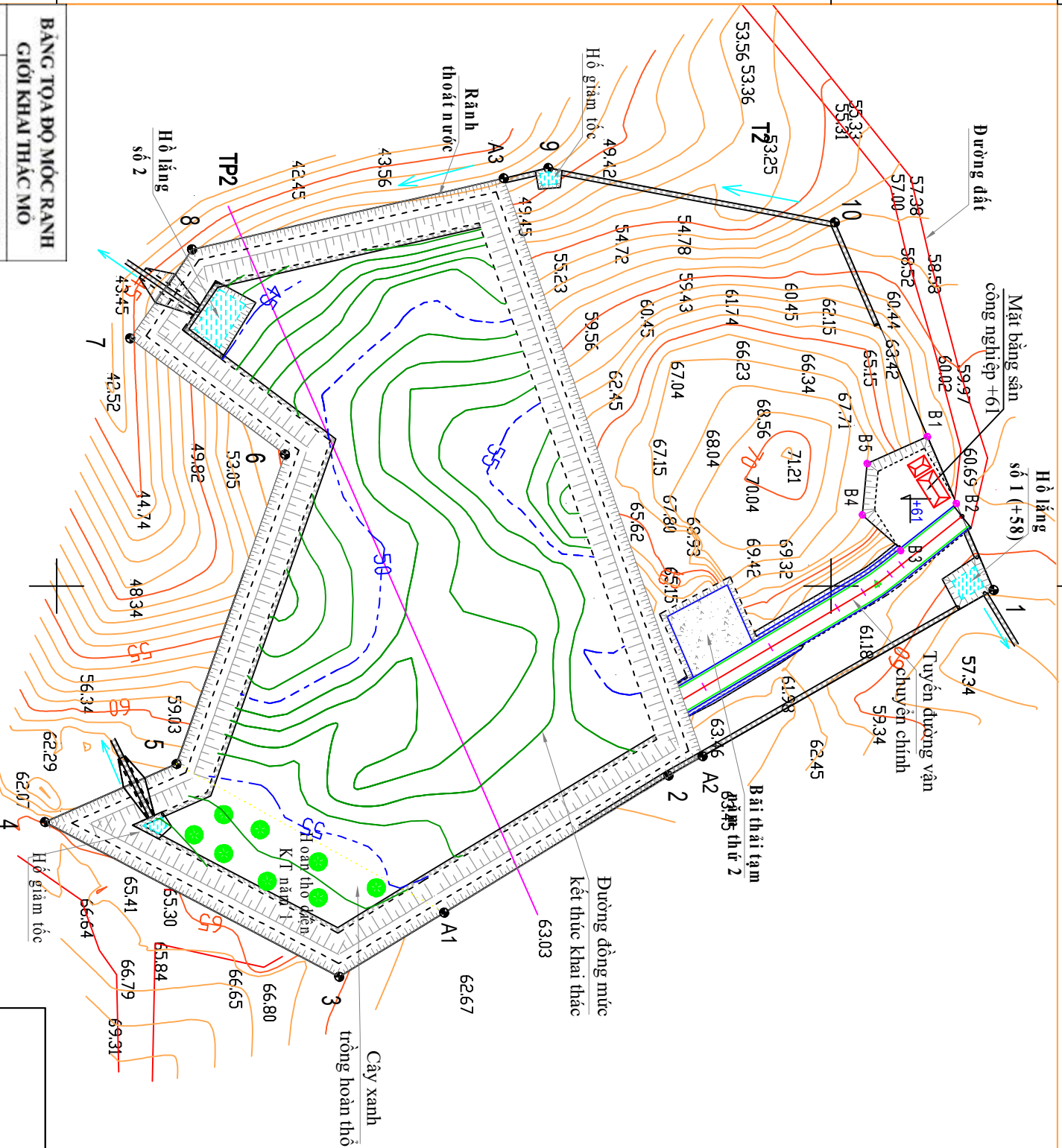
BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM 1

Tỷ lệ: P. Thiết kế
P. Kỹ thuật

Số hiệu bản vẽ: 2023 - VH - 06

571 050 571 200 571 400 571 584
1876 1876 1876 1876
200 200 258 258
898 898

571 050 571 200 571 400 571 584
1876 1876 258 1876



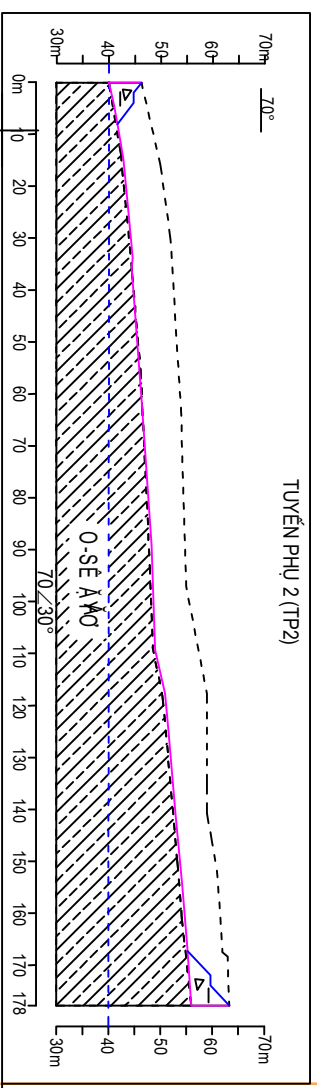
BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ		
Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũi chiếu 3°		
Điểm góc	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

BẢNG TỌA ĐỘ MẶT BẰNG SÂN CÔNG NGHIỆP +61		
Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũi chiếu 3°		
Điểm mốc	X (m)	Y (m)
B1	1.876.225	571.161
B2	1.876.232	571.179
B3	1.876.218	571.191
B4	1.876.208	571.182
B5	1.876.209	571.168

Diện tích: 3.03 ha

ĐƠN VỊ TƯ VẤN			
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT KHOẢNG SÀN MIỀN TRUNG			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Giám đốc	Trần Văn Nghị		17/2023
CNTK	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Thiết kế	Trần Văn Hiếu		17/2023

BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM 2			
Giới đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
BCKTKT	1/2.000	P. Kỹ thuật	2023 - VH - 07



Năm khai thác	Diện tích khai thác (m ²)	Diện tích trung bình (m ²)	Chiều dày lớp đất san lấp khai thác (m)	Thể tích khai thác (m ³)
1	K1-122 2344	2.075	7.23	15.000
2	K1-122 17190	15.214	7.23	110.000
3	K1-122 6251	5.533	7.23	40.000
4	K1-122 1563	1.383	7.23	10.000
5	K1-122 1563	1.383	7.23	10.000
6	K1-122 1390	1.179	7.23	8.522
Tổng	30.300	26.767		193.522

LỊCH KẾ HOẠCH KHAI THÁC

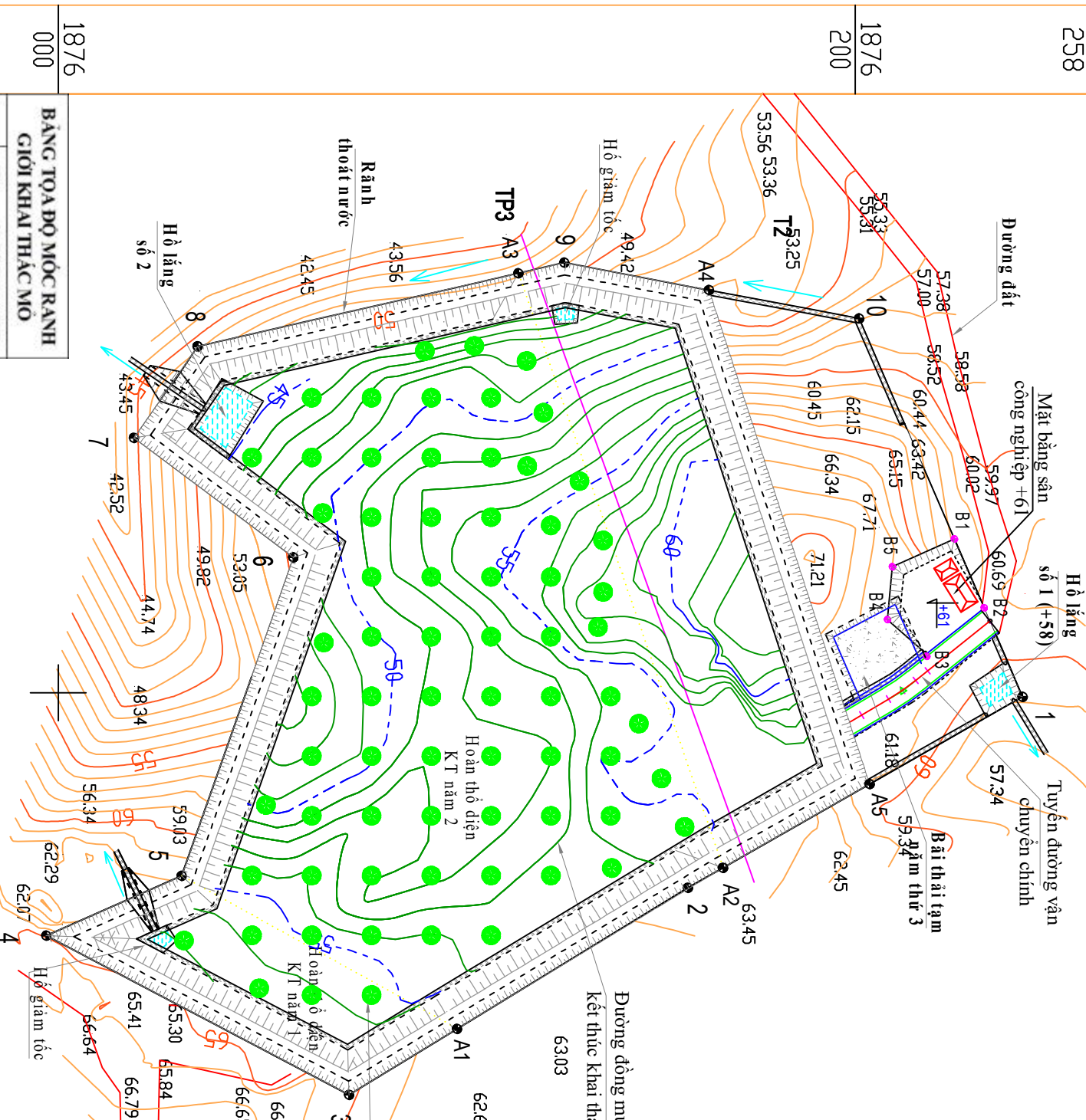
CHỈ DẪN

- Đường đồng mức và giá trị (m)
- Điểm đo cao và giá trị (m)
- Giao thông nội mỏ
- Điểm khép góc

Ranh giới diện tích mỏ

1876 1876 200 1875 898

571 050 571 200 571 400 571 584
1876 1876 1876 1876
258 258



CHỈ DẪN

- 55 Đường đồng mức và giá trị (m)
- 62.45 Điểm độ cao và giá trị (m)
- Giao thông nội mô
- 10 Điểm khép góc
- Ranh giới diện tích mô

LỊCH KẾ HOẠCH KHAI THÁC

Năm khai thác	Diện tích khai thác (m ²)	Diện tích trung bình khối (m ²)	Chiều dày lớp đất san lấp khai thác (m)	Thể tích khai thác (m ³)
1	K1-122 3344	2.075	7.23	15.000
2	K1-122 17190	15.214	7.23	110.000
3	K1-122 6251	5.533	7.23	40.000
4	K1-122 1563	1.383	7.23	10.000
5	K1-122 1563	1.383	7.23	10.000
6	K1-122 1390	1.179	7.23	8.522
Tổng	30.300	26.767		193.522

BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM 3

PHẦN KHAI THÁC

BẢO CÁO KINH TẾ-KỸ THUẬT DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT LẠM VẬT LIỆU SAN LẤP VĨNH HÀ 3, THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN KHOẢNG SẢN MIỀN TRUNG

Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Trần Văn Nghị		17/2023
Nguyễn Văn Cường		17/2023
Nguyễn Văn Cường		17/2023
Thiet ke		17/2023

THIẾT KẾ

Tỷ lệ: 1/2.000

P. Kỹ thuật

Số hiệu bản vẽ: 2023 - VH - 08

ĐƠN VỊ TƯ VẤN KHOẢNG SẢN MIỀN TRUNG

THIẾT KẾ

Tỷ lệ: 1/2.000

P. Kỹ thuật

Số hiệu bản vẽ: 2023 - VH - 08

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ		BẢNG TỌA ĐỘ MẶT BẰNG SÂN CÔNG NGHIỆP +61			
Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũi chiếu 3°	Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũi chiếu 3°		
X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)		
1	1.876.242	571.201	B1	1.876.059	571.246
2	1.876.158	571.249	B2	1.876.019	571.136
3	1.876.073	571.301	B3	1.876.035	571.113
4	1.875.997	571.261	B4	1.876.127	571.092
5	1.876.031	571.261	B5	1.876.201	571.106
6	1.876.059	571.166			
7	1.876.019	571.136			
8	1.876.035	571.113			
9	1.876.127	571.092			
10	1.876.201	571.106			

Diện tích: 3.03 ha

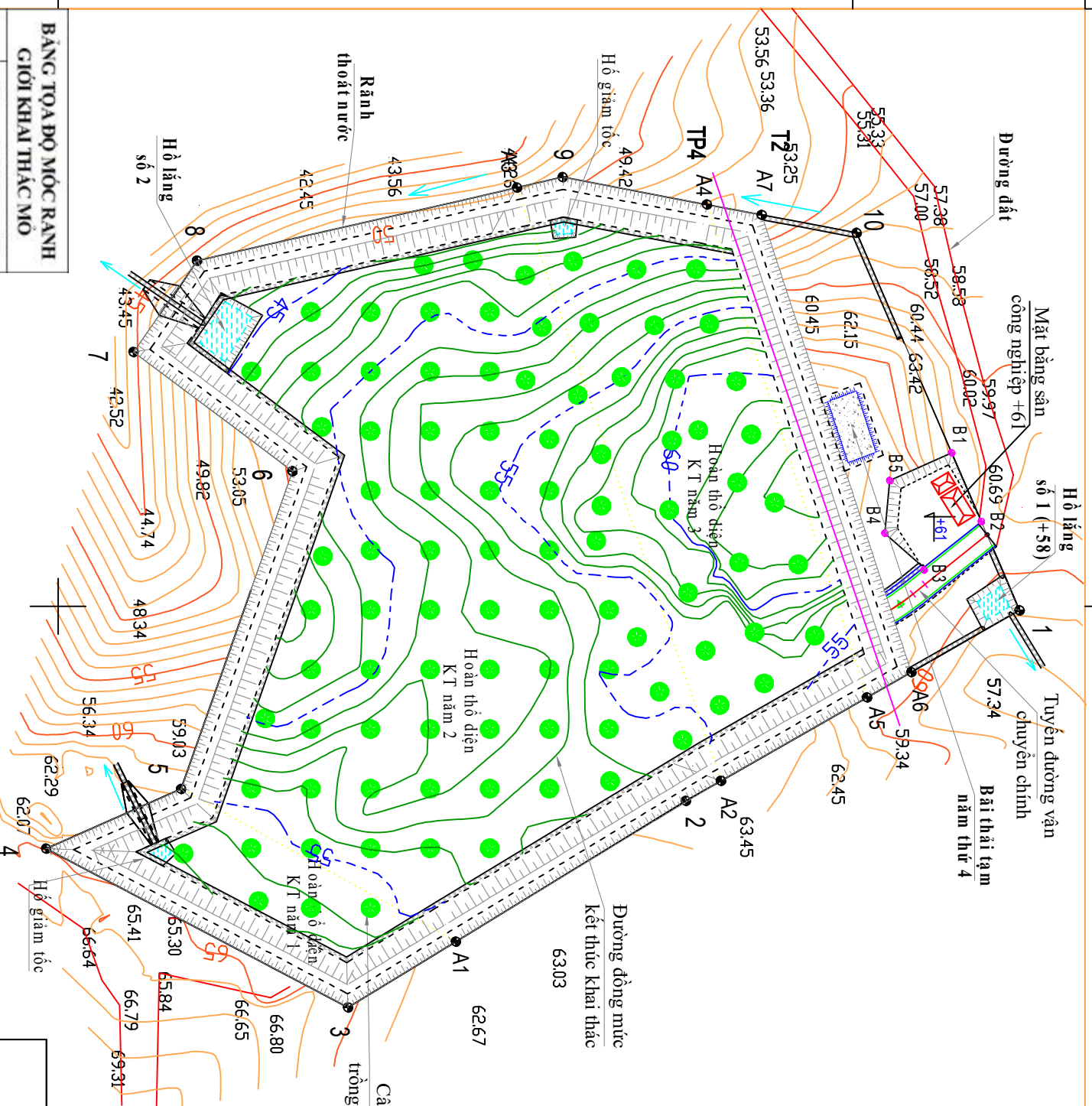
Diện tích: 410m²

Diện tích: 30.300

Diện tích: 26.767

Diện tích: 193.522

571 050 571 200 571 400 571 584
1876 1876 258 1876



BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

Diện tích: 3.03 ha

BẢNG TỌA ĐỘ MẶT BẰNG SÂN CÔNG NGHIỆP +61

Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
B1	1.876.225	571.161
B2	1.876.232	571.179
B3	1.876.218	571.191
B4	1.876.208	571.182
B5	1.876.209	571.168

Diện tích: 410m²



CHỈ DẪN

	Đường đồng mức và giá trị (m)
	Điểm đo cao và giá trị (m)
	Giao thông nội mỏ
	Điểm khép góc
	Ranh giới diện tích mỏ

LỊCH KẾ HOẠCH KHAI THÁC

Năm khai thác	Khối - Cấp (tấn)	Diện tích khai thác (m ²)	Diện tích trung bình (m ²)	Chiều dày H khối đất san lấp khai thác (m)	Thể tích khai thác (m ³)
1	K1-122	2344	2.075	7.23	15.000
2	K1-122	17190	15.214	7.23	110.000
3	K1-122	6251	5.533	7.23	40.000
4	K1-122	1563	1.383	7.23	10.000
5	K1-122	1563	1.383	7.23	10.000
6	K1-122	1390	1.179	7.23	8.522
Tổng		30.300	26.767		193.522

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT KHOẢNG SÂN MIỀN TRUNG

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Giám đốc	Trần Văn Nghị		T7/2023
CNTK	Nguyễn Văn Cường		T7/2023
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường		T7/2023
Thiết kế	Trần Văn Hiếu		T7/2023

BẢN CÁO KINH TẾ-KỸ THUẬT KHAI THÁC NĂM 4

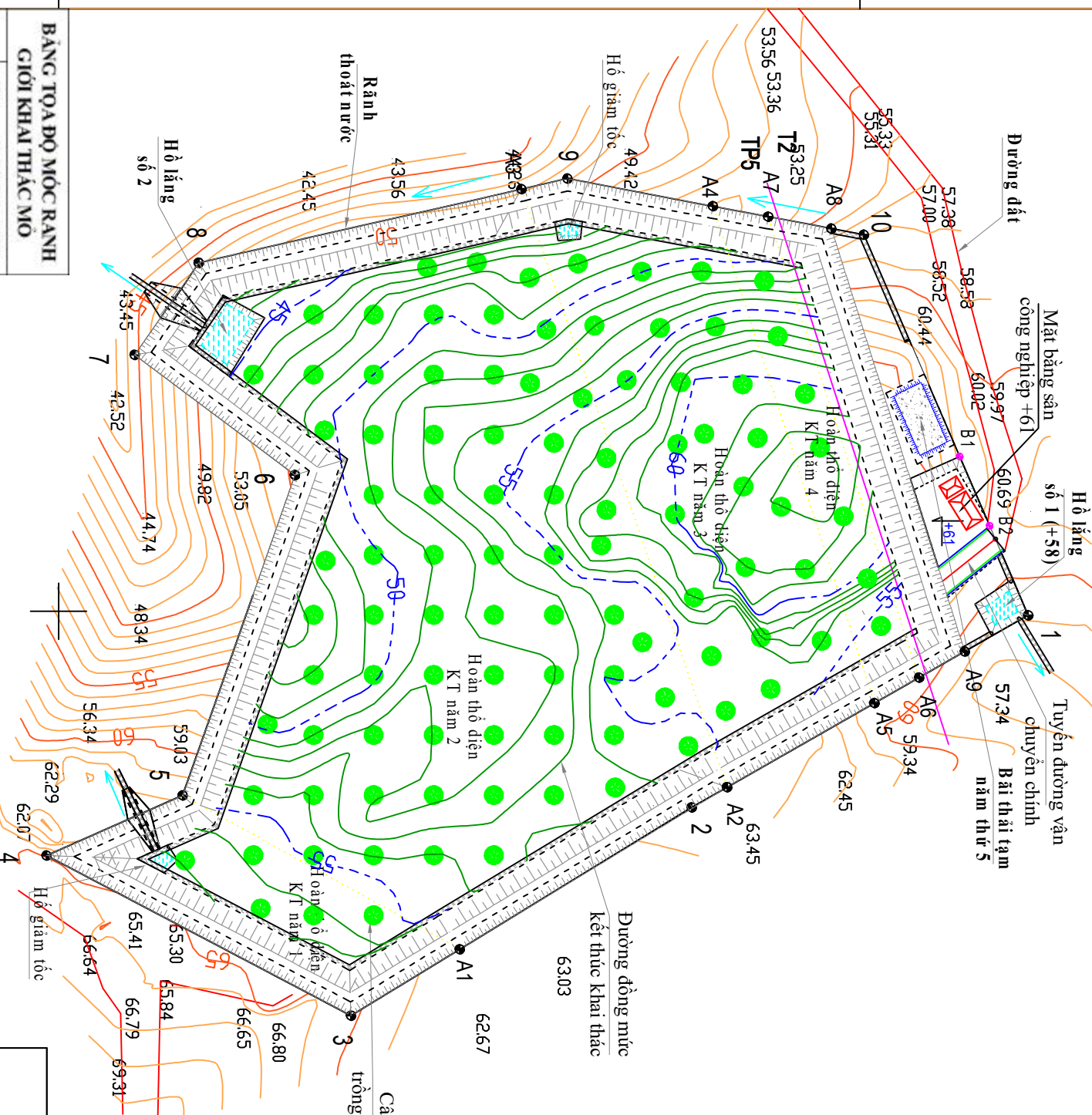
DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT LẠM VẬT LIỆU SAN LẤP VĨNH HÀ 3, THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

PHẦN KHAI THÁC

Giới đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
BCKTKT	1/2.000	P. Kỹ thuật	2023 - VH - 09

1875 898 571 050 571 200 571 400 571 584
1875 1876 200 1876

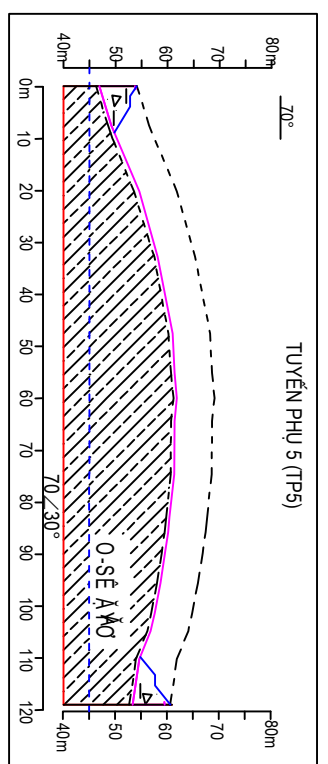
571 050	571 200	571 400	571 584
1876			1876
258			258



BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ		BẢNG TỌA ĐỘ MẶT BẰNG SÂN CÔNG NGHIỆP +61			
Điểm góc	X (m)	Y (m)	Điểm mốc	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201	B1	1.876.225	571.161
2	1.876.158	571.249	B2	1.876.232	571.179
3	1.876.073	571.301	B3	1.876.218	571.191
4	1.875.997	571.261	B4	1.876.208	571.182
5	1.876.031	571.246	B5	1.876.209	571.168
6	1.876.059	571.166			
7	1.876.019	571.136			
8	1.876.035	571.113			
9	1.876.127	571.092			
10	1.876.201	571.106			

HỆ TỌA ĐỘ VN2000 KT TRỤC 106°15' MŨI CHỈU 3°		HỆ TỌA ĐỘ VN2000 KT TRỤC 106°15' MŨI CHỈU 3°			
Điểm góc	X (m)	Y (m)	Điểm mốc	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201	B1	1.876.225	571.161
2	1.876.158	571.249	B2	1.876.232	571.179
3	1.876.073	571.301	B3	1.876.218	571.191
4	1.875.997	571.261	B4	1.876.208	571.182
5	1.876.031	571.246	B5	1.876.209	571.168
6	1.876.059	571.166			
7	1.876.019	571.136			
8	1.876.035	571.113			
9	1.876.127	571.092			
10	1.876.201	571.106			

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT KHOẢNG SÀN MIỀN TRUNG			
Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Giám đốc	Trần Văn Nghị		17/2023
CNIK	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Thiết kế	Trần Văn Hiếu		17/2023



Nhóm khai thác	Khối cấp khai thác (m ²)	Diện tích trung bình khối (m ²)	Chiều dày TB khối đất sau lấp khai thác (m)	Tổng lượng khai thác (m ³)
1	K1-122	2344	2.075	7.23
2	K1-122	17190	15.214	7.23
3	K1-122	6251	5.533	7.23
4	K1-122	1563	1.383	7.23
5	K1-122	1563	1.383	7.23
6	K1-122	1390	1.179	7.23
Tổng	30.300	26.767		193.522

LỊCH KẾ HOẠCH KHAI THÁC

Chỉ dẫn	Ý nghĩa
	Đường đồng mức và giá trị (m)
	Điểm đo cao và giá trị (m)
	Giao thông nội mô
	Điểm khép góc
	Ranh giới diện tích mô

BẢO CAO KINH TẾ-KỸ THUẬT
 DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT LẠM VẬT LIỆU SAN LẬP
 VĨNH HÀ 3, THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH,
 TỈNH QUẢNG TRỊ
 PHẦN KHAI THÁC

BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM 5

Giới đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ
BCKTKT	1/2.000	P. Kỹ thuật	2023 - VH - 09

1876	000	1876	000
1875			1875
898			898

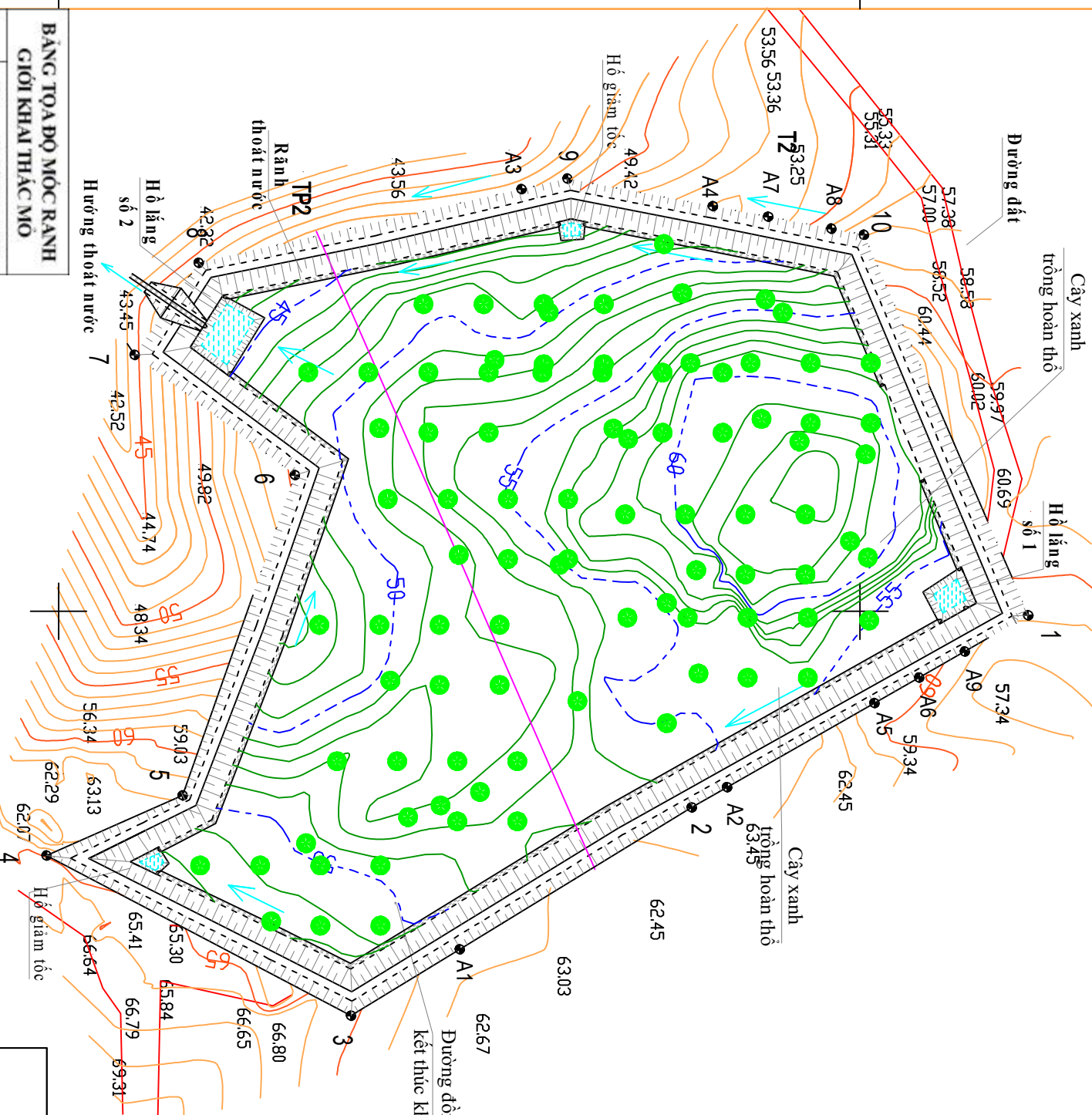
571 050	571 200	571 400	571 584
---------	---------	---------	---------

1876	200	1876	200
1875			1875
898			898

571 050	571 200	571 400	571 584
---------	---------	---------	---------

1876	200	1876	200
1875			1875
898			898

571 050	571 200	571 400	571 584
1876	1876	1876	1876
258	1876	200	258



BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI KHAI THÁC MỎ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KT trục 106°15' mũt chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1.876.242	571.201
2	1.876.158	571.249
3	1.876.073	571.301
4	1.875.997	571.261
5	1.876.031	571.246
6	1.876.059	571.166
7	1.876.019	571.136
8	1.876.035	571.113
9	1.876.127	571.092
10	1.876.201	571.106

Diện tích: 3.03 ha

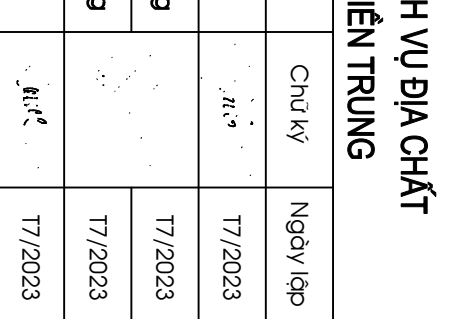
BẢNG KẾ HOẠCH KHAI THÁC

Năm khai thác	Diện tích khai thác (m ²)	Diện tích trung bình khối (m ²)	Chiều dày lớp đất san lấp khai thác (m)	Thể tích khai thác (m ³)	
1	KI-122	2344	2,075	7,23	15,000
2	KI-122	17190	15,214	7,23	110,000
3	KI-122	6251	5,533	7,23	40,000
4	KI-122	1563	1,383	7,23	10,000
5	KI-122	1563	1,383	7,23	10,000
6	KI-122	1390	1,179	7,23	8,522
Tổng	30,300	26,767			193,522

CHỈ DẪN

- 55: Đường đồng mức và giá trị (m)
- 62.45: Điểm đo cao và giá trị (m)
- 10: Điểm khép góc

Ranh giới diện tích mỏ



ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT
KHOẢNG SÀN MIỀN TRUNG

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày lập
Giám đốc	Trần Văn Nghị	<i>[Signature]</i>	17/2023
CNIK	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Kiểm tra	Nguyễn Văn Cường		17/2023
Thiết kế	Trần Văn Hiếu	<i>[Signature]</i>	17/2023

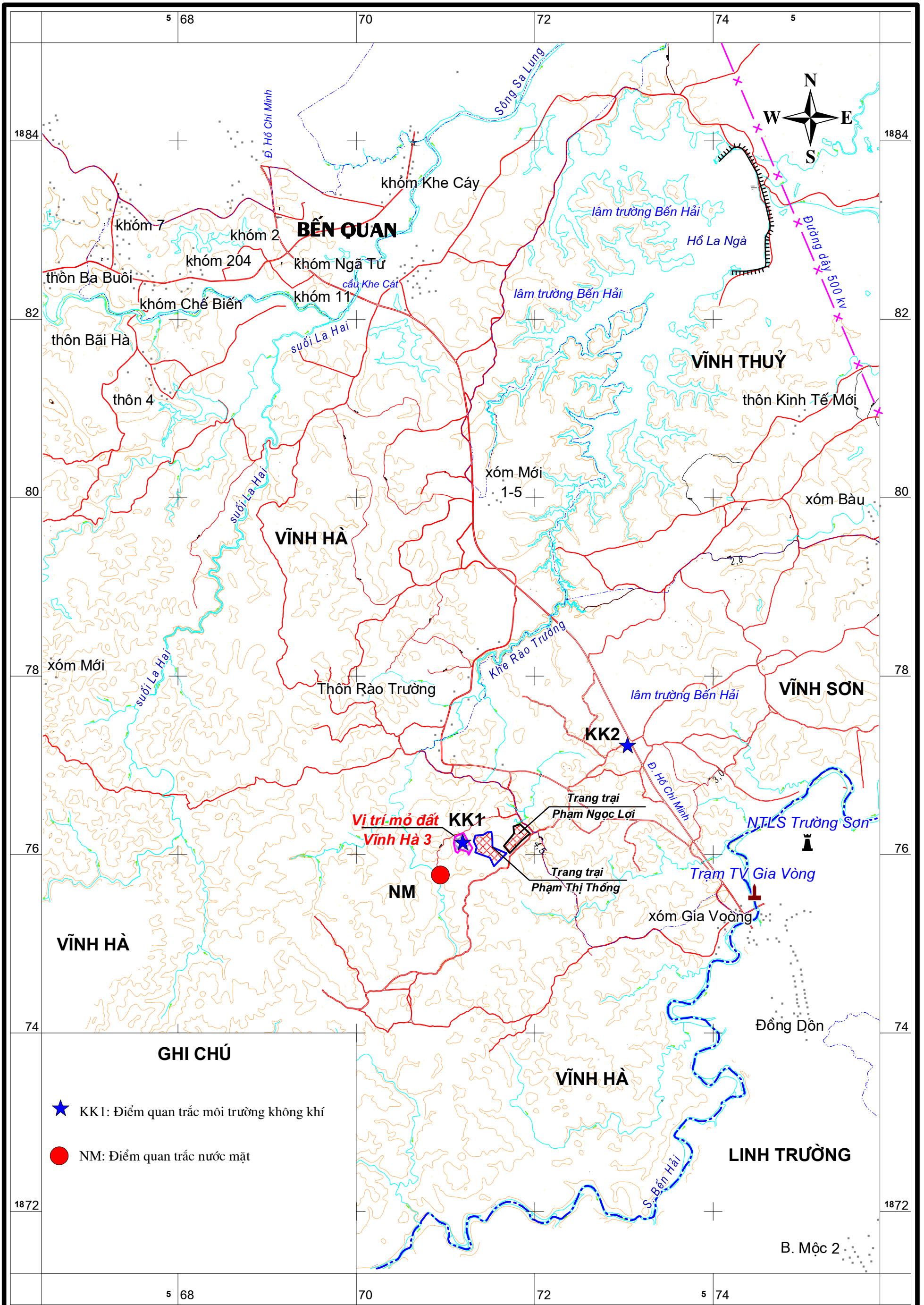
BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC MỎ VÀ HOÀN THÀNH CTPHMT

BẢO CAO KINH TẾ-KỸ THUẬT
DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT LẠM VẬT LIỆU SAN LẤP VĨNH HÀ 3, THUYẾT XÁ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ
PHẦN KHAI THÁC

Giới đoạn	Tỷ lệ	P. Thiết kế	Số hiệu bản vẽ 2023 - VH - 10
BCKTKT	1/2.000	P. Kỹ thuật	

1876	1876	1876	1876
571 050	571 200	571 400	571 584
1875	1875	1875	1875
898	898	898	898

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG MỎ ĐẤT VĨNH HÀ 3
THUỘC XÃ VĨNH HÀ, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**



GHI CHÚ

- ★ KK1: Điểm quan trắc môi trường không khí
- NM: Điểm quan trắc nước mặt

TỶ LỆ 1:50.000